



Vở bài tập

KHOA HỌC

5



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

<https://tieulun.hopto.org>

BÙI PHƯƠNG NGÀ (Chủ biên) – LƯƠNG VIỆT THÁI

Vở bài tập KHOA HỌC 5

(Tái bản lần thứ năm, có chỉnh lý và bổ sung)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

01-2011/CXB/726-1235/GD

Mã số : 1B514T1

1. Các bài tập trong *Vở bài tập Khoa học 5* nhằm giúp học sinh lớp 5 thực hiện các hoạt động học tập độc lập và đa dạng ; rèn luyện cho học sinh các kĩ năng học tập, thực hành, củng cố và khắc sâu kiến thức.

2. Các dạng bài tập chủ yếu :

* **Trắc nghiệm đúng / sai**: "Đánh dấu × hoặc viết chữ Đ vào ☐ trước câu trả lời đúng, chữ S vào ☐ trước câu trả lời sai" hoặc "Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng".

* **Trắc nghiệm nhiều lựa chọn** : "Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng" hoặc "Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng nhất".

* **Trắc nghiệm ghép đôi** : "Nối các nội dung ở cột A với các nội dung ở cột B cho phù hợp" hoặc "Nối hình vẽ với ô chữ cho phù hợp".

* **Trắc nghiệm điền khuyết** : Viết vào chỗ ... những từ hoặc câu phù hợp.

* **Vẽ**.

* **Trả lời câu hỏi mở**.

* **Tìm và ghép các chữ cái vào ô chữ theo yêu cầu của đề bài**.

Con người và sức khỏe

Bài 1.

SỰ SINH SẢN

1. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng với thông tin có trong các hình 1, 2, 3 trang 4, 5 SGK.

1.1. Lúc đầu, gia đình bạn Liên có những ai ?

- a. Bố, mẹ và Liên.
- b. Chỉ có bố.
- c. Chỉ có mẹ.
- d. Bố và mẹ.

1.2. Hiện nay, gia đình bạn Liên có những ai ?

- a. Bố và mẹ.
- b. Bố, mẹ và Liên.
- c. Ông, bà, bố và mẹ.
- d. Ông, bà và Liên.

1.3. Sắp tới, gia đình bạn Liên sẽ có thêm ai ?

- a. Ông, bà của Liên.
- b. Chị của Liên.
- c. Em bé của Liên.
- d. Anh của Liên.

2. Viết chữ Đ vào ☐ trước câu trả lời đúng, chữ S vào ☐ trước câu trả lời sai so với thực tế gia đình bạn.

Hiện nay, gia đình bạn có những ai đang cùng chung sống ?

- ☐ Ông.
- ☐ Bà.

- ☐ Bố.
- ☐ Mẹ.
- ☐ Anh.
- ☐ Chị.
- ☐ Em trai.
- ☐ Em gái.

3. Một gia đình có cả ông bà, bố mẹ và các con cháu cùng chung sống là gia đình có mấy thế hệ ? Trong đó thế hệ thứ nhất, thứ hai,... gồm những ai ?

.....

.....

.....

.....

4. Chọn các từ, cụm từ cho trước trong khung để điền vào chỗ trong các câu sau đây cho phù hợp.

bố, mẹ ; sự sinh sản ; giống ; mọi ; các thế hệ ;
duy trì kế tiếp nhau

- a) trẻ em đều do sinh ra và có những đặc điểm với của mình.
- b) Nhờ có mà trong mỗi gia đình, dòng họ được

Bài 2 – 3.

NAM HAY NỮ ?

1. Điền số thích hợp vào chỗ trong câu dưới đây :

Trong lớp bạn có bạn nam và bạn nữ.

2. Viết chữ Đ vào ☐ trước câu đúng, chữ S vào ☐ trước câu sai so với thực tế lớp bạn.

☐ Tất cả các bạn nam và nữ đều mặc đồng phục.

☐ Tất cả các bạn nữ đều để tóc dài, tất cả các bạn nam đều để tóc ngắn.

☐ Có một số bạn nữ để tóc ngắn.

☐ Có một số bạn nam để tóc dài.

☐ Tất cả các bạn nam và nữ đều chải tóc gọn gàng.

☐ Đầu tóc của các bạn nữ thường gọn gàng hơn các bạn nam.

☐ Các bạn nữ và nam đều hăng hái phát biểu ý kiến.

☐ Các bạn nữ thường hăng hái phát biểu ý kiến hơn các bạn nam.

☐ Một số bạn (cả nam và nữ) có giọng hát rất hay.

3. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

Khi một em bé mới sinh, dựa vào cơ quan nào của cơ thể để biết đó là bé trai hay bé gái ?

a. Cơ quan tuần hoàn.

b. Cơ quan tiêu hoá.

c. Cơ quan sinh dục.

d. Cơ quan hô hấp.

4. Đánh dấu × vào các cột trong bảng dưới đây cho phù hợp.

	Nam	Cả nam và nữ	Nữ
Dịu dàng			
Mạnh mẽ			
Kiên nhẫn			
Tự tin			
Có râu			
Mang thai			
Đá bóng			
Trụ cột gia đình			
Cho con bú			
Chăm sóc con			
Làm bếp giỏi			
Làm giám đốc			
Làm thư kí			
Cơ quan sinh dục tạo ra trứng			
Cơ quan sinh dục tạo ra tinh trùng			

5. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

Sự khác biệt nào giữa nam và nữ là **không thay đổi** theo thời gian, nơi sống, màu da,... ?

- a. Sự khác biệt về mặt sinh học giữa nam và nữ.
- b. Sự khác biệt về tính cách giữa nam và nữ.
- c. Sự khác biệt về sử dụng trang phục giữa nam và nữ.
- d. Sự khác biệt về sở thích giữa nam và nữ.

6. Viết chữ Đ vào ☐ trước câu đúng, chữ S vào ☐ trước câu sai so với thực tế lớp bạn.

- ☐ Lớp trưởng là nữ.
- ☐ Lớp trưởng là nam.
- ☐ Số học sinh nữ đạt học sinh giỏi nhiều hơn nam.
- ☐ Số học sinh nam đạt học sinh giỏi nhiều hơn nữ.

7. Nêu ví dụ cho thấy có sự thay đổi trong quan niệm xã hội về vai trò của nam và nữ.

Trước kia

Ngày nay

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 4. CƠ THỂ CHÚNG TA ĐƯỢC HÌNH THÀNH NHƯ THẾ NÀO ?

1. Nối hình với chú thích cho phù hợp.



Tinh trùng



Các tinh trùng gặp trứng.
Một tinh trùng đã chui
được vào trong trứng.



Trứng và tinh trùng đã
kết hợp với nhau
tạo thành hợp tử.



Trứng

2. Nối khung chữ ở cột A với khung chữ ở cột B cho phù hợp.

A

Trứng đã được thụ tinh được gọi là

Cơ thể của người con được hình thành từ

Hợp tử phát triển thành

Quá trình tinh trùng kết hợp với trứng
được gọi là

Phôi phát triển thành

B

Bào thai

Sự thụ tinh

Sự kết hợp giữa trứng của người
mẹ và tinh trùng của người bố

Phôi

Hợp tử

3. Chọn các thông tin cho trước trong khung để điền vào chỗ dưới mỗi hình cho phù hợp.

thai được 5 tuần ; thai được 8 tuần ; thai được 3 tháng ; thai được khoảng 9 tháng



Bài 5. CẦN LÀM GÌ ĐỂ CẢ MẸ VÀ EM BÉ ĐỀU KHOẺ ?

1. Quan sát các hình trang 12 SGK và hoàn thành bảng sau :

Hình	Nội dung	Nên	Không nên
Hình 1			
Hình 2			
Hình 3			
Hình 4			

2. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

2.1. Phụ nữ có thai **không nên** tránh làm việc nào dưới đây ?

- a. Ăn uống đủ chất, đủ lượng.
- b. Nghỉ ngơi nhiều hơn.
- c. Giữ cho tinh thần thoải mái.
- d. Lao động nặng ; tiếp xúc với các chất độc hoá học.
- e. Đi khám thai định kì : 3 tháng 1 lần.

2.2. Phụ nữ có thai **không nên** sử dụng chất nào dưới đây ?

- a. Chất đạm.
- b. Chất béo.
- c. Chất kích thích như rượu, thuốc lá, ma túy,...
- d. Vi-ta-min và muối khoáng.

3. Quan sát các hình trang 13 SGK và hoàn thành bảng sau :

Hình	Nội dung
Hình 5	
Hình 6	
Hình 7	

4. Chăm sóc sức khỏe của người mẹ trước khi có thai và trong thời kì mang thai có lợi gì đối với thai nhi và người mẹ ?

.....
.....

5. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

Việc nào chúng ta **không nên** làm khi gặp người phụ nữ mang thai ở nơi công cộng ?

- a. Nhường chỗ ngồi trên xe buýt.
- b. Nhường bước ở nơi đông người.
- c. Chen lấn xô đẩy.
- d. Mang đồ vật nặng.

Bài 6. TỪ LÚC MỚI SINH ĐẾN TUỔI DẬY THÌ

1. Nối khung chữ ở cột A với khung chữ ở cột B cho phù hợp.

A

Ở lứa tuổi này, chúng ta tiếp tục lớn nhanh nhưng không bằng lứa tuổi trước. Chúng ta thích hoạt động, chạy nhảy, vui chơi với các bạn, đồng thời lời nói và suy nghĩ bắt đầu phát triển.

Ở lứa tuổi này, chúng ta phải phụ thuộc hoàn toàn vào bố mẹ. Nhưng chúng ta lại lớn lên khá nhanh (nhất là ở giai đoạn sơ sinh) và đến cuối lứa tuổi này, chúng ta đã có thể tự đi, chạy, xúc cơm, chơi và chào hỏi mọi người.

Ở lứa tuổi này, chiều cao vẫn tiếp tục tăng. Hoạt động học tập của chúng ta ngày càng tăng, trí nhớ và suy nghĩ cũng ngày càng phát triển.

B

Dưới 3 tuổi

Từ 3 đến 6 tuổi

Từ 6 tuổi đến 10 tuổi

2. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

2.1. Tuổi dậy thì ở con gái thường bắt đầu vào khoảng nào ?

- a. Từ 10 đến 15 tuổi.
- b. Từ 13 đến 17 tuổi.
- c. Từ 10 đến 19 tuổi.
- d. Từ 15 đến 19 tuổi.

2.2. Tuổi dậy thì ở con trai thường bắt đầu vào khoảng nào ?

- a. Từ 10 đến 15 tuổi.
- b. Từ 15 đến 19 tuổi.
- c. Từ 13 đến 17 tuổi.
- d. Từ 10 đến 19 tuổi.

2.3. Dấu hiệu nào cho biết người con gái đã chính thức bước vào tuổi dậy thì ?

- a. Cơ quan sinh dục phát triển.
- b. Cơ thể phát triển nhanh cả về chiều cao và cân nặng.
- c. Có kinh nguyệt.
- d. Có trứng cá.

2.4. Dấu hiệu nào cho biết người con trai đã chính thức bước vào tuổi dậy thì ?

- a. Cơ quan sinh dục phát triển.
- b. Cơ thể phát triển nhanh cả về chiều cao và cân nặng.
- c. Vỡ giọng.
- d. Có hiện tượng xuất tinh.

3. Tại sao nói tuổi dậy thì có tầm quan trọng đặc biệt đối với cuộc đời của mỗi con người ?

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 7. TỪ TUỔI VỊ THÀNH NIÊN ĐẾN TUỔI GIÀ

1. Đọc các thông tin trang 16, 17 SGK và hoàn thành bảng sau :

Giai đoạn	Đặc điểm nổi bật
Tuổi vị thành niên	
Tuổi trưởng thành	
Tuổi già	

2. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời phù hợp.

2.1. Bạn đang ở vào giai đoạn nào của cuộc đời ?

- a. Tuổi ấu thơ.
- b. Tuổi vị thành niên.
- c. Tuổi trưởng thành.

2.2. Biết được chúng ta đang ở vào giai đoạn nào của cuộc đời thì có lợi gì về mặt tâm lí xã hội đối với mỗi người ?

- a. Biết được sự biến đổi của cơ thể về mặt thể chất.
- b. Biết được sự biến đổi của cơ thể về mặt tinh thần.
- c. Sẵn sàng đón nhận những thay đổi của cơ thể về thể chất và tinh thần, phát huy những điểm mạnh và tránh được những nhược điểm hoặc sai lầm có thể xảy ra đối với mỗi người ở vào mỗi giai đoạn khác nhau của cuộc đời.

Bài 8.

VỆ SINH Ở TUỔI DẬY THÌ

1. Viết chữ Đ vào ☐ trước câu đúng, chữ S vào ☐ trước câu sai.

a) Cần rửa cơ quan sinh dục :

☐ Hai ngày một lần.

☐ Hằng ngày.

b) Khi rửa cơ quan sinh dục cần chú ý :

☐ Dùng nước sạch.

☐ Dùng xà phòng tắm.

☐ Dùng xà phòng giặt.

c) Dùng quần lót cần chú ý :

☐ Hai ngày thay một lần.

☐ Mỗi ngày thay một lần.

☐ Giặt và phơi trong bóng râm.

☐ Giặt và phơi ngoài nắng.

d) Đối với nữ, khi hành kinh cần sử dụng và thay băng vệ sinh :

☐ Ít nhất 4 lần trong ngày.

☐ Ít nhất 3 lần trong ngày.

☐ Ít nhất 2 lần trong ngày.

2. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng nhất.

Nên làm gì để giữ vệ sinh cơ thể ở tuổi dậy thì ?

a. Thường xuyên tắm giặt, rửa mặt, gội đầu và thay quần áo.

b. Đặc biệt, hằng ngày phải rửa bộ phận sinh dục ngoài và thay quần áo lót.

c. Thực hiện tất cả các việc trên.

3. Trong hình 5 trang 19 SGK, một bạn đang khuyên các bạn khác không nên xem loại phim không lành mạnh. Theo bạn, việc làm của bạn đó là đúng hay sai ?

.....

.....

.....

4. Quan sát các hình 4, 6, 7 trang 19 SGK và hoàn thành bảng sau :

Hình	Nội dung	Nên	Không nên
Hình 4			
Hình 6			
Hình 7			

Bài 9 – 10. THỰC HÀNH : NÓI “KHÔNG !” ĐỐI VỚI CÁC CHẤT GÂY NGHIỆN

1. Đọc các thông tin trang 20, 21 SGK và hoàn thành bảng sau :

	Tác hại của thuốc lá	Tác hại của rượu, bia	Tác hại của ma túy
Đối với người sử dụng			
Đối với người xung quanh			

2. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng nhất.

2.1. Những câu hỏi liên quan đến thuốc lá

a) Khói thuốc lá có thể gây ra những bệnh gì ?

- Bệnh về tim mạch.
- Ung thư phổi.
- Huyết áp cao.
- Viêm phế quản.
- Bệnh về tim mạch, huyết áp ; ung thư phổi, viêm phế quản.

b) Khói thuốc lá gây hại cho người hút như thế nào ?

- a. Da sạm bị nhăn.
- b. Hơi thở hôi.
- c. Răng ố vàng.
- d. Môi thâm.
- e. Hơi thở hôi, răng ố vàng, môi thâm, da sạm bị nhăn.

c) Hút thuốc lá ảnh hưởng đến người xung quanh như thế nào ?

- a. Người hít phải khói thuốc lá cũng dễ bị mắc các bệnh như người hút thuốc lá.
- b. Trẻ em sống trong môi trường có khói thuốc lá dễ mắc các bệnh nhiễm khuẩn đường hô hấp, viêm tai giữa.
- c. Sống gần người hút thuốc lá, trẻ em dễ bắt chước và trở thành người nghiện thuốc lá.
- d. Tất cả các ý trên.

d) Bạn có thể làm gì để giúp bố (hoặc người thân) không hút thuốc lá trong nhà hoặc cai thuốc lá ?

- a. Nói với bố (hoặc người thân) về tác hại của việc hít phải khói thuốc lá do người khác hút.
- b. Cất gạt tàn thuốc lá của bố (hoặc người thân) đi.
- c. Nói với bố (hoặc người thân) là hút thuốc lá có hại cho sức khỏe.
- d. Nói với bố (hoặc người thân) về tác hại của thuốc lá đối với bản thân người hút và với những người xung quanh.

2.2. Những câu hỏi liên quan đến rượu, bia

a) Rượu, bia là những chất gì ?

- a. Kích thích.
- b. Gây nghiện.
- c. Vừa kích thích, vừa gây nghiện.

b) Rượu, bia có thể gây ra những bệnh gì ?

- a. Bệnh về đường tiêu hoá.
- b. Bệnh về tim mạch.
- c. Bệnh về thần kinh, tâm thần.

- d. Ung thư lưỡi, miệng, họng, thực quản, thanh quản.
 - e. Bệnh về đường tiêu hoá, tim mạch, thần kinh, tâm thần và ung thư.
- c) Rượu, bia có thể gây ảnh hưởng đến nhân cách người nghiện như thế nào ?
- a. Quân áo xộc xệch, thường bê tha.
 - b. Dáng đi loạng choạng, nói lảm nhảm, mặt đỏ,...
 - c. Ói mửa, bất tỉnh.
 - d. Tất cả các ý trên.
- d) Người nghiện rượu, bia có thể ảnh hưởng đến người xung quanh như thế nào ?
- a. Gây sự, đánh nhau với người ngoài.
 - b. Gây tai nạn giao thông.
 - c. Đánh chửi vợ, con khi say hoặc khi không có rượu để uống.
 - d. Gây sự, đánh nhau, gây tai nạn giao thông, đánh đập vợ, con.
- e) Bạn có thể làm gì để giúp bố không nghiện rượu, bia ?
- a. Nói với bố là uống rượu, bia có hại đối với sức khoẻ.
 - b. Nói với bố là uống rượu, bia có thể gây ra tai nạn giao thông.
 - c. Nói với bố là bạn yêu bố mẹ và muốn gia đình hoà thuận.
 - d. Nói với bố về tác hại của rượu, bia đối với bản thân người uống, với những người trong gia đình cũng như với người khác.

2.3. Những câu hỏi liên quan đến ma túy

- a) Ma túy là tên chung để gọi những chất gì ?
- a. Kích thích.
 - b. Gây nghiện.
 - c. Bị Nhà nước cấm buôn bán và sử dụng.
 - d. Kích thích và gây nghiện, đã bị Nhà nước cấm buôn bán, vận chuyển và sử dụng.
- b) Ma túy có tác hại gì ?
- a. Huỷ hoại sức khoẻ ; mất khả năng lao động, học tập ; hệ thần kinh bị tổn hại ; dùng quá liều sẽ chết.
 - b. Tiêm chích chung kim tiêm không tiệt trùng dễ dẫn đến lây nhiễm HIV.
 - c. Hao tổn tiền của bản thân và gia đình.
 - d. Có thể dẫn đến hành vi phạm pháp để có tiền thoả mãn cơn nghiện.
 - e. Tất cả các ý trên.

Bài 11.

DÙNG THUỐC AN TOÀN

1. Nối câu hỏi ở cột A với câu trả lời ở cột B cho phù hợp.

A

B

Chỉ nên dùng thuốc khi nào ?

- Tuân theo sự chỉ định của bác sĩ ;
- Phải biết tất cả những rủi ro có thể xảy ra khi dùng thuốc đó ;
- Phải ngừng dùng thuốc nếu thấy bệnh không giảm hoặc bị dị ứng,...

Sử dụng sai thuốc nguy hiểm như thế nào ?

Đọc kĩ thông tin in trên vỏ đựng và bản hướng dẫn kèm theo để biết hạn sử dụng, nơi sản xuất, tác dụng và cách dùng thuốc.

Khi phải dùng thuốc, đặc biệt là thuốc kháng sinh cần chú ý điều gì ?

Không chữa được bệnh, ngược lại có thể làm cho bệnh nặng hơn hoặc dẫn đến chết.

Khi mua thuốc, chúng ta cần lưu ý điều gì ?

- Khi thật sự cần thiết ;
- Khi biết chắc cách dùng, liều lượng dùng ;
- Khi biết nơi sản xuất, hạn sử dụng và tác dụng phụ của thuốc (nếu có).

2. Viết theo thứ tự ưu tiên 1, 2, 3 vào ☐ trước sự lựa chọn của bạn.

a) Để cung cấp vi-ta-min cho cơ thể, bạn chọn :

- ☐ Uống vi-ta-min.
- ☐ Tiêm vi-ta-min.
- ☐ Ăn thức ăn chứa nhiều vi-ta-min.

b) Để phòng bệnh còi xương cho trẻ, bạn chọn :

☐ Tiêm can-xi.

☐ Uống can-xi và vi-ta-min D.

☐ Ăn phối hợp nhiều loại thức ăn có chứa can-xi và vi-ta-min D.

3. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

3.1. Khi sử dụng thuốc kháng sinh, chúng ta **không nên** làm gì ?

a. Tuân theo sự chỉ dẫn của bác sĩ.

b. Dùng thuốc kháng sinh khi biết chính xác cách dùng và biết thuốc đó dùng cho loại bệnh nhiễm khuẩn nào.

c. Nếu đang dùng thuốc kháng sinh mà có hiện tượng dị ứng thì phải dừng lại ngay.

d. Nếu đang dùng thuốc kháng sinh mà có hiện tượng dị ứng thì vẫn phải dùng hết liều theo chỉ dẫn của bác sĩ.

3.2. Câu nào dưới đây nói lên sự cần thiết phải dùng thuốc an toàn ?

a. Thuốc được dùng để chữa bệnh.

b. Chỉ dùng thuốc theo chỉ dẫn của bác sĩ.

c. Cần đọc kĩ thông tin trên vỏ đựng thuốc và hướng dẫn kèm theo.

d. Sử dụng thuốc sai không những không chữa được bệnh, ngược lại có thể làm bệnh nặng hơn hoặc dẫn đến chết người.

Bài 12.

PHÒNG BỆNH SỐT RÉT

1. Nối câu hỏi ở cột A với câu trả lời ở cột B cho phù hợp.

A

Tác nhân gây ra bệnh sốt rét là gì ?

Con vật trung gian truyền bệnh sốt rét từ người bệnh sang người lành tên là gì ?

Bệnh sốt rét nguy hiểm như thế nào ?

B

Muỗi a-nô-phen.

Gây thiếu máu ; bệnh nặng có thể làm chết người.

Một loại kí sinh trùng.

2. Viết câu trả lời cho các câu hỏi dưới đây :

a) Cần làm gì để diệt muỗi trưởng thành ?

.....
.....

b) Cần làm gì để ngăn chặn không cho muỗi sinh sản ?

.....
.....

c) Cần làm gì để ngăn chặn không cho muỗi đốt người ?

.....
.....

3. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

Hiện nay đã có thuốc đặc trị để chữa và phòng bệnh sốt rét chưa ?

a. Có.

b. Chưa.

Bài 13. PHÒNG BỆNH SỐT XUẤT HUYẾT

1. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

1.1. Tác nhân gây ra bệnh sốt xuất huyết là gì ?

- a. Vi khuẩn.
- b. Vi-rút.
- c. Kí sinh trùng.

1.2. Muỗi truyền bệnh sốt xuất huyết có tên là gì ?

- a. Muỗi a-nô-phen.
- b. Muỗi vằn.

1.3. Muỗi vằn sống ở đâu ?

- a. Trong nhà.
- b. Ngoài bụi rậm.

1.4. Bọ gậy, muỗi vằn thường sống ở đâu ?

- a. Ao tù, nước đọng.
- b. Các chum, vại, bể nước.

1.5. Tại sao bệnh nhân sốt xuất huyết phải nằm màn (mùng) cả ban ngày ?

- a. Để tránh bị gió.
- b. Để tránh bị muỗi vằn đốt.

1.6. Hiện nay đã có thuốc đặc trị để chữa bệnh sốt xuất huyết chưa ?

- a. Có.
- b. Chưa.

2. Quan sát các hình trang 29 SGK và hoàn thành bảng sau :

Hình	Nội dung	Tác dụng của việc làm trong hình đối với việc phòng tránh bệnh sốt xuất huyết
Hình 2		
Hình 3		
Hình 4		

3. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng nhất.

3.1. Muỗi vẫn thường đốt người vào khi nào ?

- a. Ban ngày.
- b. Ban đêm.
- c. Cả ngày và đêm.

3.2. Nên làm gì để phòng bệnh sốt xuất huyết ?

- a. Giữ vệ sinh nhà ở và môi trường xung quanh.
- b. Diệt muỗi, diệt bọ gậy.
- c. Tránh để muỗi đốt.
- d. Thực hiện tất cả các việc trên.

Bài 14.

PHÒNG BỆNH VIÊM NÃO

1. Nối câu hỏi ở cột A với câu trả lời ở cột B cho phù hợp.

A

Tác nhân gây ra bệnh viêm não là gì ?

Lứa tuổi nào thường bị mắc bệnh viêm não nhiều nhất ?

Bệnh viêm não lây truyền như thế nào ?

Bệnh viêm não nguy hiểm như thế nào ?

B

Người mắc bệnh này có thể bị chết, nếu sống cũng sẽ bị di chứng như bại liệt, mất trí nhớ,...

Muỗi hút máu các con vật bị bệnh và truyền vi-rút gây bệnh sang người.

Bệnh này do một loại vi-rút có trong máu gia súc và động vật hoang dã như khỉ, chuột, chim,... gây ra.

Ai cũng có thể mắc bệnh này nhưng nhiều nhất là trẻ em từ 3 đến 15 tuổi vì sức đề kháng yếu.

2. Quan sát các hình trang 30, 31 SGK và hoàn thành bảng sau :

Hình	Nội dung	Tác dụng của việc làm trong hình đối với việc phòng tránh bệnh viêm não
Hình 1	 	
Hình 2	 	
Hình 3	 	
Hình 4	 	

3. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

3.1. Hiện nay đã có thuốc đặc trị để chữa bệnh viêm não chưa ?

- a. Có.
- b. Chưa.

3.2. Hiện nay đã có thuốc để phòng bệnh viêm não chưa ?

- a. Có.
- b. Chưa.

4. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng nhất.

Nên làm gì để phòng bệnh viêm não ?

- a. Giữ vệ sinh nhà ở ; dọn sạch chuồng trại gia súc và môi trường xung quanh ; không để ao tù, nước đọng.
- b. Diệt muỗi, diệt bọ gậy.
- c. Có thói quen ngủ màn, kể cả ban ngày để tránh muỗi đốt.
- d. Thực hiện tất cả các việc trên.

Bài 15. PHÒNG BỆNH VIÊM GAN A

1. Nối câu hỏi ở cột A với câu trả lời ở cột B cho phù hợp.

A

Tác nhân gây ra bệnh viêm gan A là gì ?

Bệnh viêm gan A có thể lây truyền như thế nào ?

Người bị bệnh viêm gan A thường có triệu chứng gì ?

B

– Sốt nhẹ ;
– Đau ở vùng bụng bên phải ;
– Chán ăn.

Vi-rút viêm gan A.

Vi-rút viêm gan A có trong phân của người bệnh, nếu phân không được xử lý tốt sẽ gây nhiễm bẩn nguồn nước, đất, từ đó lây sang người khác qua nước lã, thức ăn, tay không rửa sạch,...

2. Quan sát các hình trang 33 SGK và hoàn thành bảng sau :

Hình	Nội dung	Tác dụng của việc làm trong hình đối với việc phòng tránh bệnh viêm gan A
Hình 2		
Hình 3		
Hình 4		
Hình 5		

3. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

3.1. Vi-rút viêm gan A có ở chất thải nào của người bệnh ?

- a. Mồ hôi.
- b. Nước tiểu.
- c. Đờm.
- d. Phân.

3.2. Bệnh viêm gan A lây truyền qua đường nào ?

- a. Đường hô hấp.
- b. Đường máu.
- c. Đường tiêu hoá.
- d. Qua da.

4. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng nhất.

4.1. Nên làm gì để phòng bệnh viêm gan A ?

- a. Ăn chín.
- b. Uống nước đã đun sôi.
- c. Rửa sạch tay trước khi ăn và sau khi đi đại tiện.
- d. Thực hiện tất cả các việc trên.

4.2. Người mắc bệnh viêm gan A cần lưu ý điều gì ?

- a. Cần nghỉ ngơi.
- b. Ăn thức ăn lỏng chứa nhiều chất đạm, vi-ta-min.
- c. Không ăn mỡ, không uống rượu.
- d. Thực hiện tất cả các việc trên.

Bài 16.

PHÒNG TRÁNH HIV / AIDS

1. Nối câu hỏi ở cột A với câu trả lời ở cột B cho phù hợp.

A

HIV là gì ?

Ai có thể bị nhiễm HIV ?

AIDS là gì ?

Có phải tất cả những người nhiễm HIV sẽ dẫn đến AIDS không ?

HIV lây truyền qua những đường nào ?

B

Mọi người đều có thể bị nhiễm HIV.

Giai đoạn phát bệnh của người nhiễm HIV. Người bị AIDS hoàn toàn mất khả năng chống lại các bệnh nhiễm trùng và các bệnh thông thường khác.

- Đường máu ;
- Đường tình dục ;
- Từ mẹ sang con lúc mang thai hoặc khi sinh con.

Một loại vi-rút, khi xâm nhập vào cơ thể sẽ làm khả năng chống đỡ bệnh tật của cơ thể bị suy giảm.

Hầu hết những người nhiễm HIV sẽ dẫn đến AIDS. AIDS là giai đoạn cuối cùng của quá trình nhiễm HIV.

2. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng nhất.

2.1. Có thể phòng tránh HIV lây truyền qua đường máu bằng cách nào ?

- a. Không tiêm (chích) khi không cần thiết.
- b. Không truyền máu, truyền dịch khi không cần thiết.
- c. Không dùng chung các dụng cụ có thể dính máu như dao cạo, bàn chải đánh răng, kim châm,...
- d. Thực hiện tất cả các việc trên.

2.2. Trong trường hợp có thể dẫn đến tiếp xúc máu, cần sử dụng biện pháp an toàn nào để phòng tránh nhiễm HIV ?

- a. Nếu phải băng bó vết thương cho người khác, cần đeo găng tay cao su để tự bảo vệ.
- b. Sát trùng các dụng cụ y tế như bơm kim tiêm,...
- c. Khi chơi thể thao có sự va chạm vùng chảy máu thì rửa sạch các vết thương bằng chất khử trùng (nước ô-xi già, cồn) rồi băng lại cẩn thận.
- d. Thực hiện tất cả các việc trên.

3. Để phát hiện một người có nhiễm HIV hay không, người ta thường làm gì ?

.....

.....

.....

.....

Bài 17. THÁI ĐỘ ĐỐI VỚI NGƯỜI NHIỄM HIV / AIDS

1. Đánh dấu × vào các cột trong bảng dưới đây cho phù hợp.

Hành vi	Có nguy cơ lây nhiễm HIV	Không có nguy cơ lây nhiễm HIV
Ngồi học cùng bàn		
Bơi ở bể bơi (hồ bơi) công cộng		
Uống chung li nước		
Dùng chung bơm kim tiêm không khử trùng		
Dùng chung dao cạo		
Băng bó vết thương chảy máu mà không dùng găng tay cao su bảo vệ		
Xăm mình chung dụng cụ không khử trùng		
Khoác vai		
Dùng chung khăn tắm		
Mặc chung quần áo		
Ôm		
Nghịch bơm kim tiêm đã sử dụng		
Cầm tay		
Bị muỗi đốt		
Nằm ngủ bên cạnh		
Sử dụng nhà vệ sinh công cộng		
Ăn cơm cùng mâm		
Nói chuyện, an ủi bệnh nhân AIDS		
Truyền máu (không rõ nguồn gốc)		
Cùng chơi bi		

2. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

2.1. HIV **không** lây qua đường nào ?

- a. Đường tình dục.
- b. Đường máu.
- c. Từ mẹ sang con lúc mang thai hoặc khi sinh con.
- d. Tiếp xúc thông thường.

2.2. Côn trùng có thể là vật trung gian lây truyền HIV được không ?

- a. Chỉ muỗi mới có thể làm lây truyền HIV.
- b. Chỉ muỗi và gián mới có thể làm lây truyền HIV.
- c. Có.
- d. Không.

2.3. Học chung với bạn bị nhiễm HIV cho thể bị lây nhiễm HIV hay không ?

- a. Có thể lây nhiễm qua da.
- b. Có thể nhiễm qua việc sử dụng chung các đồ dùng học tập.
- c. Không thể bị lây nhiễm.

2.4. Nếu trong gia đình bạn em có người nhiễm HIV, em vẫn có thể chạy nhảy, đá bóng, đá cầu với bạn.

- a. Đúng.
- b. Sai

3. Quan sát các hình trang 36, 37 SGK và hoàn thành bảng sau :

Hình	Nội dung
Hình 1	
Hình 2	
Hình 3	
Hình 4	

4. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng nhất.

4.1. Các bạn ở hình 1, 3 trang 36, 37 SGK đã có thái độ như thế nào đối với người nhiễm HIV và gia đình của họ ?

- a. Thông cảm, hỗ trợ, động viên.
- b. Cùng chơi, không xa lánh.
- c. Cả hai ý trên.

4.2. Theo bạn, trẻ em có thể tham gia phòng tránh HIV / AIDS như thế nào ?

- a. Tìm hiểu, học tập về các đường lây nhiễm và cách phòng tránh HIV / AIDS.
- b. Chủ động phòng tránh, ý thức được các nguy cơ lây nhiễm HIV và có hành vi tự bảo vệ trước các nguy cơ đó.
- c. Hướng dẫn bạn bè cách phòng tránh.
- d. Bày tỏ tiếng nói, suy nghĩ, nhu cầu, vấn đề bức xúc của các em liên quan đến HIV / AIDS.
- e. Thực hiện tất cả các điều trên.

Bài 18. PHÒNG TRÁNH BỊ XÂM HẠI

1. Quan sát các hình trang 38 SGK và hoàn thành bảng sau :

Hình	Nội dung
Hình 1	
Hình 2	
Hình 3	

2. Hoàn thành bảng sau :

Tình huống	Cách ứng xử
Khi trong phòng chỉ có bạn và một người khác, đặc biệt là người lạ.	
Có người rủ bạn uống rượu, bia hoặc xem sách báo hay phim không lành mạnh.	
Có người làm ra vẻ vô tình đụng chạm vào cơ thể hoặc các bộ phận kín của bạn.	

3. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng nhất.

3.1. Bạn cần phải làm gì khi có kẻ muốn xâm hại mình ?

- Tránh ra xa để kẻ đó không đụng được đến người mình.
- Nhìn thẳng vào kẻ định xâm hại mình và nói to hoặc hét lên một cách kiên quyết "Không được, dừng lại !", "Tôi không cho phép", có thể kêu cứu nếu cần thiết.
- Bỏ đi ngay.
- Thực hiện những điều trên cho phù hợp với từng hoàn cảnh.

3.2. Khi bị xâm hại, bạn cần làm gì ?

- Kể ngay việc đó với người tin cậy để nhờ giúp đỡ. Nếu người đó tỏ ra chưa tin lời bạn nói, bạn sẽ nói lại để họ tin hoặc tìm người khác có thể giúp đỡ được mình.
- Tố cáo với cơ quan, tổ chức có trách nhiệm (nếu sự việc là nghiêm trọng).
- Nếu cơ thể bị thương tổn về thể chất hoặc tinh thần thì đến ngay cơ sở y tế, các tổ chức dịch vụ, tư vấn về sức khỏe để được tư vấn, khám và điều trị kịp thời.
- Thực hiện những điều trên cho phù hợp với từng hoàn cảnh.

4. Viết ba quy tắc luôn giữ cho bản thân để phòng tránh bị xâm hại.

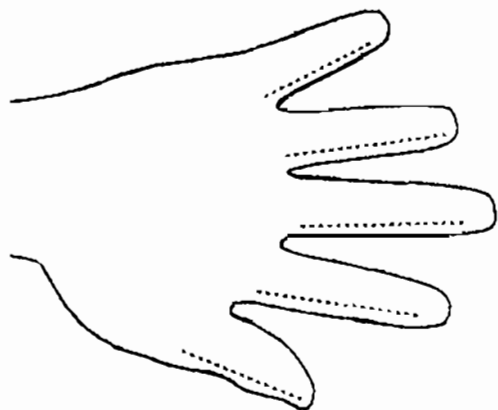
.....

.....

.....

.....

5. Hãy ghi vào mỗi ngón tay ở hình bên tên người mà bạn có thể nói với họ mọi điều thầm kín, đồng thời người đó cũng sẵn sàng chia sẻ, giúp đỡ bạn trong những lúc khó khăn hoặc cho bạn những lời khuyên đúng đắn.



Bài 19. PHÒNG TRÁNH TAI NẠN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

1. Quan sát các hình trang 40 SGK và hoàn thành bảng sau :

Hình	Nội dung	Hậu quả có thể xảy ra đối với những người vi phạm luật giao thông trong hình
Hình 1		
Hình 2		
Hình 3		
Hình 4		

2. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

Việc nào cần thực hiện để phòng tránh tai nạn giao thông nhưng chưa được thể hiện trong các hình 5, 6, 7 trang 41 SGK ?

- a. Học sinh học về Luật Giao thông đường bộ.
- b. Học sinh đi xe đạp sát lề đường bên phải và có đội mũ bảo hiểm.
- c. Người tham gia giao thông tuân theo chỉ dẫn của đèn tín hiệu.
- d. Người tham gia giao thông đi đúng phần đường quy định.

3. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng nhất.

Muốn phòng tránh tai nạn giao thông đường bộ, mỗi HS cũng như mỗi công dân cần phải làm gì ?

- a. Tìm hiểu, học tập để biết rõ về Luật Giao thông đường bộ.
- b. Nghiêm chỉnh chấp hành Luật Giao thông đường bộ (đi đúng phần đường quy định, đội mũ bảo hiểm theo quy định,...).
- c. Thận trọng trong khi đi qua đường và tuân theo chỉ dẫn của đèn tín hiệu.
- d. Không đùa nghịch, chạy nhảy hay đá bóng dưới lòng đường.
- e. Thực hiện tất cả các điều trên.

Bài 20 – 21. ÔN TẬP : CON NGƯỜI VÀ SỨC KHỎE

1. Chọn các từ, cụm từ cho trước trong khung để điền vào chỗ trong các câu dưới đây cho phù hợp (một từ hoặc cụm từ có thể điền được nhiều chỗ).

thụ thai, thụ tinh, tinh trùng, trứng, hợp tử, phôi, bào thai, em bé
--

- Cuộc sống của mỗi người đều được bắt đầu từ một tế bào sinh dục cái được gọi là (của mẹ) kết hợp với một tế bào sinh dục đực gọi là(của bố).

Quá trình tinh trùng kết hợp với trứng được gọi là

- Trứng đã được gọi là
- Hiện tượng bám vào niêm mạc tử cung để làm tổ và phát triển thành phôi được gọi là quá trình
- Hợp tử phát triển thành rồi thành Bào thai được nuôi dưỡng và lớn lên trong bụng mẹ. Sau khoảng 9 tháng, sẽ được sinh ra.

2. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng nhất.

Tuổi dậy thì là gì ?

- a. Là tuổi mà cơ thể có nhiều biến đổi về mặt thể chất.
- b. Là tuổi mà cơ thể có nhiều biến đổi về mặt tinh thần.
- c. Là tuổi mà cơ thể có nhiều biến đổi về mặt tình cảm và mối quan hệ xã hội.
- d. Là tuổi mà cơ thể có nhiều biến đổi về mặt thể chất, tinh thần, tình cảm và mối quan hệ xã hội.

3. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

Việc nào dưới đây chỉ có phụ nữ làm được ?

- a. Làm bếp giỏi.
- b. Chăm sóc con cái.
- c. Mang thai và cho con bú.
- d. Thêu, may giỏi.

4. Sử dụng mũi tên nối các khung chữ với nhau để tạo ra các sơ đồ có nội dung sau :

- Cách phòng tránh bệnh sốt rét.
- Cách phòng tránh bệnh viêm não.
- Cách phòng tránh bệnh sốt xuất huyết.

Giữ vệ sinh nhà ở và
môi trường xung quanh

Phòng tránh
bệnh sốt rét

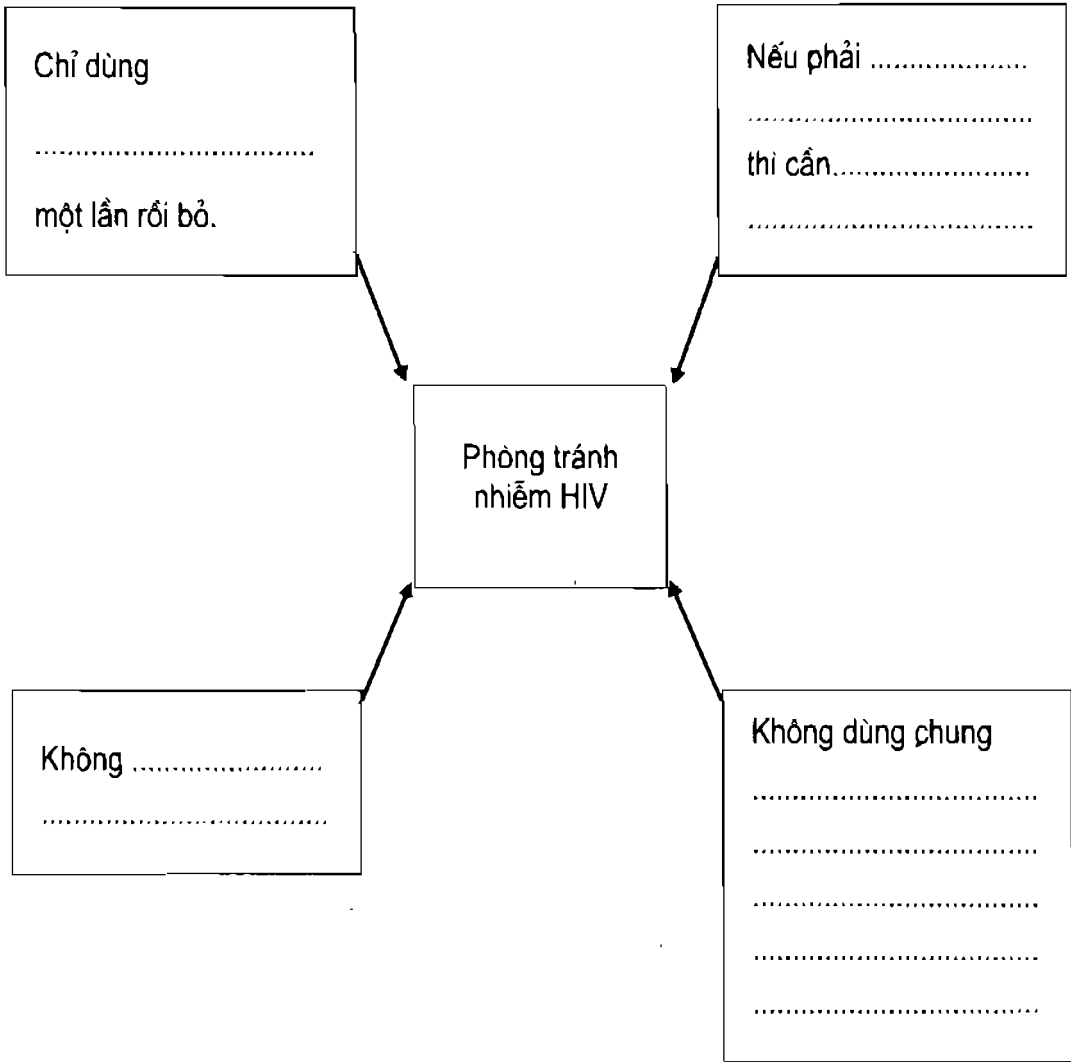
Ngủ màn

Phòng tránh
bệnh sốt
xuất huyết

Diệt muỗi, diệt bọ gậy

Phòng tránh
bệnh viêm não .

5. Viết tiếp vào chỗ trong sơ đồ phòng tránh nhiễm HIV qua đường máu dưới đây :



Vật chất và năng lượng

ĐẶC ĐIỂM VÀ CÔNG DỤNG CỦA MỘT SỐ VẬT LIỆU THƯỜNG DÙNG

Bài 22.

TRE, MÂY, SONG

1. Đọc các thông tin trang 46 SGK và hoàn thành bảng sau :

	Tre	Mây, song
Đặc điểm		
Công dụng		

2. Quan sát các hình trang 47 SGK và hoàn thành bảng sau :

Hình	Tên sản phẩm	Tên vật liệu làm ra sản phẩm
Hình 4		
Hình 5		
Hình 6		
Hình 7		

3. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

Để bảo quản một số đồ dùng trong gia đình được làm từ tre, mây, song, người ta thường sử dụng loại sơn nào dưới đây ?

- a. Sơn tường.
- b. Sơn dầu.
- c. Sơn cửa.
- d. Sơn chống gỉ.

Bài 23. SẮT, GANG, THÉP

1. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng nhất.

Trong tự nhiên, sắt có ở đâu ?

- a. Trong các quặng sắt.
- b. Trong các thiên thạch rơi xuống Trái Đất.
- c. Cả hai ý trên.

2. Hoàn thành bảng so sánh sự giống nhau và khác nhau giữa gang và thép dưới đây :

	Giống nhau	Khác nhau
Gang		
Thép		

3. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

3.1. Quặng sắt được sử dụng để làm gì ?

- a. Làm chấn song sắt.
- b. Làm đường sắt.
- c. Sản xuất ra gang và thép.

3.2. Sắt được gọi là gì ?

- a. Kim loại.
- b. Hợp kim.

3.3. Gang và thép được gọi là gì ?

- a. Kim loại.
- b. Hợp kim.

4. Viết câu trả lời cho các câu hỏi dưới đây :

a) Sắt được sử dụng dưới dạng nào ?

.....

b) Gang thường được sử dụng để làm gì ?

.....

c) Thép thường được sử dụng để làm gì ?

.....
.....

d) Nêu cách bảo quản một số đồ dùng như dao, kéo, cày, cuốc,...

.....
.....

Bài 24. ĐỒNG VÀ HỢP KIM CỦA ĐỒNG

1. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

1.1. Quan sát một đoạn dây đồng, theo bạn, đồng có màu gì ?

- a. Màu nâu.
- b. Màu đỏ.
- c. Màu nâu đỏ.
- d. Màu đỏ nâu.

1.2. Từ nào dưới đây được dùng để chỉ độ sáng của các đồ dùng bằng đồng ?

- a. Ống ánh.
- b. Lung linh.
- c. Sáng chói.
- d. Ánh kim.

2. Đọc các thông tin trang 50 SGK và hoàn thành bảng sau :

	Đồng	Hợp kim của đồng
Tính chất		

3. Quan sát các hình trang 51 SGK và nối khung chữ ở cột A với khung chữ ở cột B cho phù hợp.

A	B
Hình 2	Chuông
Hình 3	Một số đồ dùng để thờ cúng
Hình 4	Mâm
Hình 5	Đỉnh
Hình 6	Kèn

4. Viết câu trả lời cho các câu hỏi dưới đây :

a) Đồng thường được sử dụng để làm gì ?

.....

.....

b) Hợp kim của đồng thường được sử dụng để làm gì ?

.....

.....

c) Nêu cách bảo quản một số đồ dùng bằng đồng và hợp kim của đồng.

.....

.....

Bài 25.

NHÔM

1. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

1.1. Quan sát một đồ dùng bằng nhôm, theo bạn, nhôm có màu gì ?

- a. Màu trắng.
- b. Màu trắng xám.
- c. Màu trắng bạc.

1.2. Từ nào dưới đây được dùng để chỉ độ sáng của các đồ dùng bằng nhôm ?

- a. Ánh kim.
- b. Ống ánh.
- c. Lung linh.
- d. Sáng chói.

2. Đọc các thông tin trang 53 SGK và hoàn thành bảng sau :

	Nhôm	Hợp kim của nhôm
Tính chất		

3. Nhôm và hợp kim của nhôm thường được sử dụng để làm gì ?

4. Tại sao ta không nên đựng dấm hoặc cất giữ những thức ăn có vị chua trong những đồ dùng bằng nhôm ?

Bài 26.

ĐÁ VÔI

1. Viết tên một số vùng núi đá vôi ở nước ta mà bạn biết.

.....

.....

.....

.....

2. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

So sánh đá vôi và đá cuội, bạn có nhận xét gì về độ cứng của đá vôi so với đá cuội ?

- a. Đá vôi không cứng bằng đá cuội.
- b. Đá vôi và đá cuội đều cứng như nhau.
- c. Đá vôi cứng hơn đá cuội.

3. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng nhất.

a) Hiện tượng gì xảy ra khi nhỏ vài giọt a-xít lên một hòn đá vôi ?

- a. Đá vôi bị sủi bọt.
- b. Có khí bay lên.
- c. Đá vôi bị sủi bọt và có khí bay lên.

b) Làm thế nào để biết được một hòn đá có phải là đá vôi hay không ?

- a. Dùng vật cứng rạch lên hòn đá xem đá có vết không.
- b. Nhỏ vài giọt giấm chua (hoặc a-xít loãng) lên hòn đá xem có bị sủi bọt và có khí bay lên hay không.
- c. Thực hiện cả hai việc trên.

4. Đá vôi thường được sử dụng để làm gì ?

.....

.....

.....

Bài 27. GỐM XÂY DỰNG : GẠCH, NGÓI

1. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

1.1. Các đồ vật làm bằng đất sét nung được gọi là gì ?

- a. Đồ sành.
- b. Đồ sứ.
- c. Đồ gốm.

1.2. Gạch, ngói, nổi đất được gọi là gì ?

- a. Đồ gốm không tráng men.
- b. Đồ gốm có tráng men.

1.3. Đồ sành, đồ sứ được gọi là gì ?

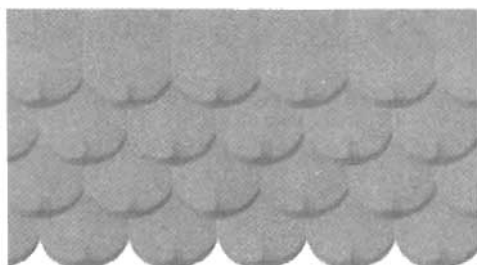
- a. Đồ gốm không tráng men.
- b. Đồ gốm có tráng men.

2. Quan sát các hình trang 56 SGK và hoàn thành bảng sau :

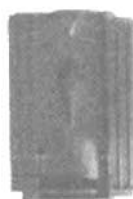
Hình	Công dụng
Hình 1a	
Hình 1b	
Hình 2a	
Hình 2b	
Hình 2c	

3. Nối hình chụp mái nhà ở cột A với loại ngói ở cột B cho phù hợp.

A .



B



4. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng .

Tính chất nào dưới đây không phải của gạch, ngói ?

- a. Thường xốp, có những lỗ nhỏ li ti.
- b. Dễ vỡ.
- c. Có ánh kim.

Bài 28.

XI MĂNG

1. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng nhất.

Xi măng được làm từ những vật liệu gì ?

- a. Đất sét.
- b. Đá vôi.
- c. Đất sét và đá vôi.
- d. Đất sét, đá vôi và một số chất khác.

2. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

2.1. Màu nào dưới đây **không phải** là màu của xi măng ?

- a. Trắng.
- b. Xám xanh.
- c. Nâu đất.
- d. Xanh.

2.2. Tính chất nào dưới đây **không phải** là tính chất của xi măng khi được trộn với nước ?

- a. Hoà tan trong nước.
- b. Không tan trong nước.
- c. Dẻo.
- d. Chóng bị khô, kết thành tảng, cứng như đá.

2.3. Xi măng trộn với cát và nước tạo thành gì ?

- a. Bê tông.
- b. Bê tông cốt thép.
- c. Vữa xi măng.

2.4. Bê tông được làm từ vật liệu gì ?

- a. Xi măng trộn với cát và nước.
- b. Xi măng, cát, sỏi (hoặc đá) trộn đều với nước.
- c. Xi măng, cát, sỏi (hoặc đá) trộn đều với nước rồi đổ vào các khuôn có cốt thép.

2.5. Nên bảo quản xi măng như thế nào ?

- a. Để nơi khô ráo thoáng khí.
- b. Để nước ngấm vào.
- c. Để nơi ẩm thấp.

3. Hoàn thành bảng sau :

	Sử dụng để làm gì ?
Xi măng	
Vữa xi măng	
Bê tông	
Bê tông cốt thép	

Bài 29.

THỦY TINH

1. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.
- 1.1. Tính chất nào dưới đây **không phải** là tính chất của thủy tinh thông thường ?
- a. Trong suốt.
 - b. Không gỉ, không hút ẩm, không bị a-xít ăn mòn, không cháy.
 - c. Dễ vỡ.
 - d. Khó vỡ.
- 1.2. Tính chất nào dưới đây **không phải** là tính chất của thủy tinh chất lượng cao ?
- a. Rất trong.
 - b. Bền, khó vỡ.
 - c. Không chịu được nóng, lạnh.
 - d. Không gỉ, không hút ẩm, không bị a-xít ăn mòn, không cháy.

2. Hoàn thành bảng sau :

	Sử dụng để làm gì ?
Thủy tinh thường	
Thủy tinh chất lượng cao	

3. Nêu cách bảo quản đồ thủy tinh trong nhà

.....

.....

.....

Bài 30. CAO SU

1. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

1.1. Cao su tự nhiên được chế biến từ vật liệu gì ?

- a. Nhựa cây cao su.
- b. Than đá.
- c. Dầu mỏ.

1.2. Cao su được chế biến từ than đá, dầu mỏ được gọi là gì ?

- a. Cao su tự nhiên.
- b. Cao su nhân tạo.

1.3. Tính chất nào không phải của cao su ?

- a. Đàn hồi tốt.
- b. Ít bị biến đổi khi gặp nóng, lạnh.
- c. Cách điện, cách nhiệt.
- d. Tan trong nước.
- e. Tan trong một số chất lỏng như xăng, dầu.

2. Cao su thường được sử dụng để làm gì ?

.....

.....

.....

3. Nêu cách bảo quản đồ dùng bằng cao su.

.....

.....

.....

.....

Bài 31.

CHẤT DẼO

1. Hoàn thành bảng sau :

Tên đồ dùng được làm bằng nhựa có trong nhà bạn	Đặc điểm (màu sắc, tính chất)
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	

2. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

2.1. Những đồ dùng bằng nhựa thường gặp được làm ra từ vật liệu gì ?

- a. Chất dẻo.
- b. Đá vôi.
- c. Đất sét.

2.2. Tính chất nào không phải của chất dẻo ?

- a. Dẫn điện.
- b. Không dẫn nhiệt.
- c. Nhẹ.
- d. Rất bền, khó vỡ.

3. Chất dẻo được làm ra từ vật liệu gì ?

.....

.....

.....

.....

4. Đọc và lựa chọn các từ, cụm từ dưới đây để điền vào chỗ cho phù hợp.

màu sắc, gỗ, da, thuỷ tinh, vải, kim loại, chất dẻo, tiện dụng

Các sản phẩm làm ra từ có thể được dùng rộng rãi để thay thế cho những sản phẩm được làm ra từ,, và vì chúng không đắt tiền,, bền và có nhiều đẹp.

Bài 32. TƠ SỢI

1. Quan sát các hình trang 66 SGK và hoàn thành bảng sau :

Hình	Nội dung hình liên quan đến việc làm ra loại tơ sợi nào ?
Hình 1	
Hình 2	
Hình 3	

2. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

- 2.1. Loại tơ sợi nào dưới đây có nguồn gốc từ động vật ?

- a. Sợi bông.
- b. Tơ tằm.
- c. Sợi lanh.
- d. Sợi đay.

- 2.2. Sợi bông, sợi đay, sợi gai, tơ tằm và sợi lanh có tên chung là gì ?

- a. Tơ sợi tự nhiên.
- b. Tơ sợi nhân tạo.

3. Làm thí nghiệm như hướng dẫn ở mục *Thực hành* trang 67 SGK, dựa vào kết quả thí nghiệm để đánh dấu × vào các cột trong bảng dưới đây cho phù hợp.

	Khi cháy tạo thành tro	Khi cháy thì vón cục lại
Tơ sợi tự nhiên		
Tơ sợi nhân tạo		

Bài 33 – 34. ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA HỌC KÌ I

1. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

- 1.1. Bệnh nào dưới đây có thể bị lây qua cả đường sinh sản và đường máu ?

- Sốt xuất huyết.
- Sốt rét.
- Viêm não.
- AIDS.

- 1.2. Để làm cầu bắc qua sông, làm đường ray tàu hoả người ta sử dụng vật liệu nào ?

- Nhôm.
- Đồng.
- Thép.
- Gang.

- 1.3. Để xây tường, lát sân, lát sàn nhà người ta sử dụng vật liệu nào ?

- Thuỷ tinh.
- Gạch.
- Ngói.

- 1.4. Để sản xuất xi măng, tạc tượng người ta sử dụng vật liệu nào ?

- Đồng.
- Sắt.
- Đá vôi.
- Nhôm.

1.5. Để dệt thành vải may quần, áo, chăn, màn người ta sử dụng vật liệu nào ?

- a. Tơ sợi.
- b. Cao su.
- c. Chất dẻo.

2. Đọc yêu cầu của bài tập ở mục Quan sát trang 68 SGK và hoàn thành bảng sau :

Hình	Phòng tránh được bệnh gì ?	Giải thích
Hình 1		
Hình 2		
Hình 3		
Hình 4		

3. Chọn ba vật liệu đã học và hoàn thành bảng sau :

Số thứ tự	Tên vật liệu	Đặc điểm / Tính chất	Công dụng
1			
2			
3			

4. Tìm các chữ cái cho các ô trống dưới đây để khi ghép lại được câu trả lời đúng cho từng câu hỏi sau :

a) Quá trình trứng kết hợp với tinh trùng được gọi là gì ?

--	--	--	--	--	--	--	--	--

b) Em bé nằm trong bụng mẹ được gọi là gì ?

--	--	--	--	--	--	--

c) Giai đoạn cơ thể bắt đầu phát triển nhanh về chiều cao, cân nặng và được đánh dấu bằng sự xuất hiện kinh nguyệt lần đầu ở con gái và sự xuất tinh lần đầu ở con trai được gọi là gì ?

--	--	--	--	--	--

d) Giai đoạn chuyển tiếp từ trẻ con sang người lớn trong cuộc đời của mỗi con người được gọi là gì ?

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

e) Từ nào được dùng để chỉ giai đoạn hoàn thiện của con người về mặt thể chất, tinh thần và xã hội ?

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

g) Từ nào được dùng để chỉ con người bước vào giai đoạn cuối của cuộc đời ?

--	--	--

h) Bệnh nào do một loại kí sinh trùng gây ra và bị lây truyền do muỗi a-nô-phen ?

--	--	--	--	--	--

i) Bệnh nào do một loại vi-rút gây ra và bị lây truyền do muỗi vằn ?

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

k) Bệnh nào do một loại vi-rút gây ra ; vi-rút này có thể sống trong máu gia súc, chim, chuột, khỉ,... ; bệnh bị lây truyền do muỗi hút máu các con vật bị bệnh rồi truyền vi-rút gây bệnh sang người ?

--	--	--	--	--	--	--

l) Bệnh nào do một loại vi-rút gây ra và lây truyền qua đường tiêu hoá ; người mắc bệnh này có thể bị sốt nhẹ, đau ở vùng bụng bên phải, gần gan, chán ăn,...

--	--	--	--	--	--	--	--

SỰ BIẾN ĐỔI CỦA CHẤT

Bài 35.

SỰ CHUYỂN THỂ CỦA CHẤT

1. Đánh dấu × vào các cột trong bảng dưới đây cho phù hợp.

Tên chất	Thể rắn	Thể lỏng	Thể khí
Cát trắng			
Cồn			
Đường			
Ô-xi			
Nhôm			
Xăng			
Nước đá			
Muối			
Dầu ăn			
Ni-tơ			
Hơi nước			
Nước			

2. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

2.1. Chất rắn có đặc điểm gì ?

- Không có hình dạng nhất định.
- Có hình dạng nhất định.
- Có hình dạng của vật chứa nó.

2.2. Chất lỏng có đặc điểm gì ?

- a. Không có hình dạng nhất định, chiếm toàn bộ vật chứa nó, không nhìn thấy được.
- b. Có hình dạng nhất định, nhìn thấy được.
- c. Không có hình dạng nhất định, có hình dạng của vật chứa nó, nhìn thấy được.

2.3. Khí các-bô-níc, ô-xi, ni-tơ có đặc điểm gì ?

- a. Không có hình dạng nhất định, chiếm toàn bộ vật chứa nó, không nhìn thấy được.
- b. Có hình dạng nhất định, nhìn thấy được.
- c. Không có hình dạng nhất định, có hình dạng của vật chứa nó, nhìn thấy được.

3. Chọn các từ, cụm từ cho trước trong khung để điền vào chỗ trong các câu dưới đây cho phù hợp.

nước, sáp, ni-tơ, thủy tinh, kim loại

- a) Ở nhiệt độ cao thích hợp, các chất : sẽ chuyển từ thể rắn sang thể lỏng.
- b) Khi được làm lạnh ở nhiệt độ thích hợp thì khí sẽ chuyển thành thể lỏng.
- c) Trong tự nhiên, có thể tồn tại ở cả ba thể : rắn, lỏng, khí.

Bài 36.

HỖN HỢP

1. Làm thực hành theo yêu cầu ở trang 74 SGK và hoàn thành bảng sau :

Tên và đặc điểm của từng chất tạo ra hỗn hợp	Tên hỗn hợp và đặc điểm của hỗn hợp
Muối tinh :	
Mì chính (bột ngọt) :	
Hạt tiêu (đã xay nhỏ) :	

2. Viết chữ Đ vào ☐ trước câu trả lời đúng, chữ S vào ☐ trước câu trả lời sai.

Hỗn hợp là gì ?

- ☐ Là hai hay nhiều chất trộn lẫn với nhau nhưng mỗi chất vẫn giữ nguyên tính chất của nó.
- ☐ Là hai hay nhiều chất trộn lẫn với nhau, làm cho tính chất của mỗi chất thay đổi, tạo thành chất mới.

3. Quan sát các hình trang 75 SGK và điền vào bảng dưới đây tên phương pháp tách các chất ra khỏi hỗn hợp cho đúng với nội dung được thể hiện trong mỗi hình.

Hình	Phương pháp
Hình 1	
Hình 2	
Hình 3	

4. Hoàn thành bảng sau :

Mục đích	Chuẩn bị	Cách tiến hành
Tách cát trắng ra khỏi hỗn hợp nước và cát trắng		
Tách dầu ăn ra khỏi hỗn hợp dầu ăn và nước		
Tách gạo ra khỏi hỗn hợp gạo lẫn với sạn		

Bài 37.

DUNG DỊCH

1. Làm thực hành theo yêu cầu ở trang 76 SGK và hoàn thành bảng sau :

Tên và đặc điểm của từng chất tạo ra dung dịch	Tên dung dịch và đặc điểm của dung dịch
Đường :	
Nước :	

2. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng nhất.

Dung dịch là gì ?

- a. Là hỗn hợp của chất lỏng với chất rắn bị hoà tan và phân bố đều.
- b. Là hỗn hợp của chất lỏng với chất lỏng hoà tan vào nhau.
- c. Cả hai trường hợp trên.

3. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

3.1. Để sản xuất ra nước cất dùng trong y tế người ta sử dụng phương pháp nào ?

- a. Lọc.
- b. Lắng.
- c. Chưng cất.
- d. Phơi nắng.

3.2. Để sản xuất ra muối từ nước biển người ta sử dụng phương pháp nào ?

- a. Lọc.
- b. Lắng.
- c. Chưng cất.
- d. Phơi nắng.

Bài 38 – 39. SỰ BIẾN ĐỔI HOÁ HỌC

1. Làm các thí nghiệm như hướng dẫn ở mục *Thực hành* trang 78 SGK và hoàn thành bảng sau :

Thí nghiệm	Mô tả hiện tượng	Giải thích hiện tượng
Đốt tờ giấy		
Chưng đường trên ngọn lửa		

2. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

2.1. Hiện tượng gì xảy ra khi cho vôi sống vào nước ?

- Không có hiện tượng gì.
- Vôi sống hoà tan vào nước tạo thành dung dịch nước vôi.
- Vôi sống trở nên dẻo quánh thành vôi tôi và kèm theo sự toả nhiệt.

2.2. Hiện tượng chất này bị biến đổi thành chất khác được gọi là gì ?

- Sự biến đổi lí học.
- Sự biến đổi hoá học.

3. Đánh dấu × vào các cột trong bảng dưới đây cho phù hợp.

	Biến đổi lí học	Biến đổi hoá học
Cho vôi sống vào nước		
Xé giấy thành những mảnh vụn		
Xi măng trộn với cát		
Xi măng trộn với cát và nước		
Đinh mới → đinh gỉ		
Thuỷ tinh ở thể lỏng → thuỷ tinh ở thể rắn		

4. Thực hiện trò chơi "Bức thư bí mật" theo hướng dẫn ở trang 80 SGK và trả lời các câu hỏi dưới đây :

Nhúng đầu tăm vào giấm rồi viết lên giấy và để khô.

a) Ta có nhìn thấy chữ không ?

.....

b) Muốn đọc "Bức thư bí mật" ta phải làm thế nào ?

.....

.....

c) Điều kiện gì làm giấm đã khô trên giấy biến đổi hoá học ?

.....

.....

5. Hãy nêu một vài ví dụ chứng tỏ nhiệt độ có tác dụng làm biến đổi hoá học của một số chất.

.....

.....

.....

6. Hãy nêu một vài ví dụ chứng tỏ ánh sáng cũng có tác dụng làm biến đổi hoá học của một số chất.

.....

.....

.....

.....

SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG

Bài 40. NĂNG LƯỢNG

1. Viết vào chỗ ... trong bảng dưới đây cho phù hợp.

Hoạt động / Biến đổi	Nguồn năng lượng
Học sinh học bài	
.....	Pin
Nước được đun sôi	
Xe máy chạy	
.....	Thức ăn
Quần áo phơi bị bạc màu	

2. Hãy nêu ba ví dụ về việc muốn làm vật biến đổi nhiều hơn thì cần nhiều năng lượng hơn.

Ví dụ mẫu : Kéo một lò xo dãn 10cm thì cần nhiều năng lượng hơn khi kéo lò xo đó dãn 5cm.

.....

.....

.....

.....

.....

3. Theo em mỗi người trong từng hình vẽ sau đang cần năng lượng để tạo sự biến đổi gì cho căn phòng của mình ?



Hình a)



Hình b)



Hình c)

Hình a)

.....

Hình b)

.....

Hình c)

.....

Bài 41.

NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

1. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

Nguồn năng lượng chủ yếu của sự sống trên Trái Đất là :

- a. Mặt Trời.
- b. Mặt Trăng.
- c. Gió.
- d. Cây xanh.

2. Dưới đây là một số ý kiến về vai trò của Mặt Trời đối với cuộc sống của con người.

- A. Sưởi ấm.
- B. Làm ấm nước.
- C. Tạo ra than đá.
- D. Giúp con người làm khô thức ăn như cá, rau, quả để bảo quản.

Khoanh vào chữ cái trước nhận xét đúng.

- a. Chỉ A, C, D đúng.
- b. Chỉ A, B đúng.
- c. Cả A, B, C, D đều đúng.

3. Hãy nêu hai ví dụ về vai trò của năng lượng mặt trời đối với thời tiết.

.....

.....

.....

.....

4. Hãy nêu bốn ví dụ về việc sử dụng năng lượng mặt trời trong cuộc sống hằng ngày.

.....

.....

.....

.....
.....
.....
.....
.....

Bài 42 – 43. SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG CHẤT ĐỐT

1. Nối khung chữ ở cột A với các khung chữ ở cột B cho phù hợp.

A

Chất đốt ở thể rắn

Chất đốt ở thể lỏng

Chất đốt ở thể khí

B

Củi

Dầu hoả

Than cám

Xăng

Lá khô

Than đá

Bi-ô-ga

2. Hãy nêu ba ví dụ về việc sử dụng năng lượng của than đá.

.....

.....

.....

.....

3. Viết chữ Đ vào ☐ trước câu đúng, chữ S vào ☐ trước câu sai.

Nguyên nhân dẫn tới nhu cầu sử dụng chất đốt tăng là :

- ☐ Dân số trên Trái Đất tăng.
- ☐ Sử dụng bếp đun cải tiến.
- ☐ Sự phát triển của công nghiệp.
- ☐ Sự khai thác, sử dụng năng lượng mặt trời.

4. Hãy nêu hai lí do cho biết vì sao chúng ta phải sử dụng tiết kiệm các nguồn năng lượng.

.....

.....

5. Viết chữ Đ vào ☐ trước ý kiến đúng, chữ S vào ☐ trước ý kiến sai.

- ☐ Các chất đốt khi cháy sinh ra khí các-bô-níc và nhiều chất khác làm ô nhiễm môi trường.
- ☐ Chúng ta không cần phải sử dụng tiết kiệm các nguồn năng lượng.
- ☐ Không nên dùng xăng để nhóm bếp.
- ☐ Khi dùng nến, nên đặt nến lên những vật dễ cháy.

6. Hãy nêu hai việc nên làm để giảm những tác hại đối với môi trường khi sử dụng các loại chất đốt.

.....

.....

.....

.....

7. Hãy nêu hai việc nên làm để phòng tránh tai nạn khi sử dụng chất đốt.

.....

.....

.....

.....

8. Điền vào mỗi cột ba ví dụ về các việc nên làm và không nên làm để tiết kiệm, chống lãng phí chất đốt ở gia đình bạn.

Việc nên làm	Việc không nên làm
.....	
.....	
.....	
.....	

Bài 44. **SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG GIÓ** **VÀ NĂNG LƯỢNG NƯỚC CHẢY**

1. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

Vật nào dưới đây hoạt động được nhờ sử dụng năng lượng gió ?

- a. Quạt máy.
- b. Thuyền buồm.
- c. Tua-bin của nhà máy thủy điện.
- d. Pin mặt trời.

2. Đánh dấu × vào ☐ dưới hình có phương tiện, máy móc sử dụng năng lượng nước chảy.


☐

☐

☐

☐

3. Viết chữ Đ vào ☐ trước ý kiến đúng, chữ S vào ☐ trước ý kiến sai.

- ☐ Khi làm nhà, cần phải tính đến việc sử dụng năng lượng gió tự nhiên cho toà nhà.
- ☐ Người ta không thể tạo ra dòng điện từ năng lượng gió.
- ☐ Từ năng lượng nước chảy người ta có thể tạo ra dòng điện.
- ☐ Người ta có thể sử dụng năng lượng nước chảy để làm sạch vật bị bẩn.

4. Hãy nêu ba ví dụ về việc sử dụng năng lượng gió của con người.

.....

.....

.....

Bài 45. SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG ĐIỆN

1. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.
- Trong các vật dưới đây, vật nào là nguồn điện ?
- a. Bóng đèn điện.
 - b. Bếp điện.
 - c. Pin.
 - d. Cả ba vật kể trên.

2. a) Hoàn thành bảng sau :

Hoạt động	Các dụng cụ, phương tiện không sử dụng điện	Các dụng cụ, phương tiện sử dụng điện
Thắp sáng		
Truyền tin		
Đốt nóng		
Vận tải		
Làm mát		

b) Hãy nêu ý kiến so sánh của bạn giữa các dụng cụ, phương tiện không sử dụng điện và các dụng cụ, phương tiện sử dụng điện khi thực hiện cùng một hoạt động :

.....

.....

.....

.....

.....

3. Tìm hiểu một số đồ dùng, máy móc dùng điện ở gia đình bạn và hoàn thành bảng sau :

Tên đồ dùng, máy móc	Nguồn điện (pin, ắc-quy, ổ điện (điện do nhà máy điện cung cấp),...)	Tác dụng của dòng điện trong các đồ dùng, máy móc đó (đốt nóng, thắp sáng, làm chạy động cơ,...)
.....		
.....		
.....		

Bài 46 – 47. LẮP MẠCH ĐIỆN ĐƠN GIẢN

1. Cho pin, bóng đèn, dây điện và một số vật nhỏ làm bằng các chất khác nhau. Hãy nêu một cách cho phép xác định trong các vật nhỏ đó, vật nào dẫn điện, vật nào cách điện.

.....

.....

.....

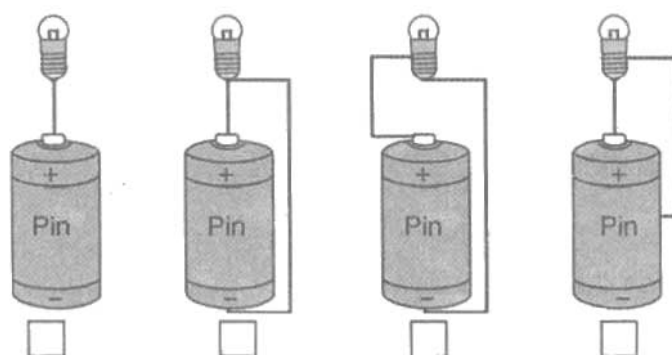
.....

.....

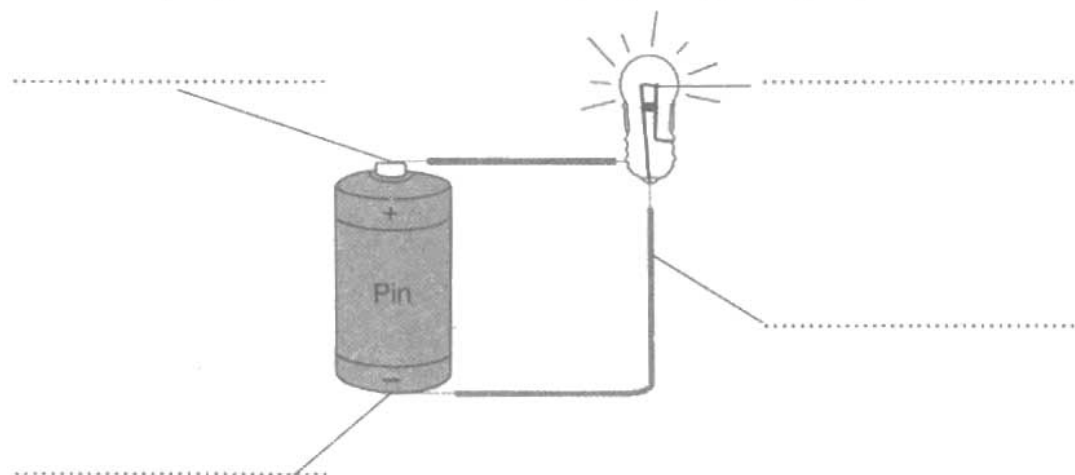
.....

.....

2. Đánh dấu × vào ☐ dưới hình vẽ mạch điện đã được mắc đúng, đèn sáng.



3. Hãy điền chú thích vào chỗ ở hình vẽ mạch điện dưới đây và sử dụng mũi tên (→) để biểu diễn chiều dòng điện chạy trong mạch.



4. Bạn Hải dùng dây để nối pin với bóng đèn nhưng đèn vẫn chưa sáng. Hãy nêu bốn khả năng có thể dẫn đến đèn không sáng.

.....

.....

.....

.....

5. Hãy tìm hiểu chiếc phích cắm điện, nêu một bộ phận dẫn điện, một bộ phận cách điện và lí do vì sao cần phải làm như vậy.

Bộ phận dẫn điện :

.....

Bộ phận cách điện :

.....

Bài 48. AN TOÀN VÀ TRÁNH LÃNG PHÍ KHI SỬ DỤNG ĐIỆN

1. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

Để đề phòng dòng điện quá mạnh có thể gây cháy đường dây và cháy nhà, người ta lắp thêm vào mạch điện cái gì ?

- a. Một cái quạt.
- b. Một bóng đèn điện.
- c. Một cầu chì.
- d. Một chuông điện.

2. Hãy viết chữ N vào ☐ trước việc nên làm, chữ K vào ☐ trước việc không nên làm.

Để đảm bảo an toàn, tránh tai nạn do điện gây ra, chúng ta nên làm gì ?

- ☐ Thay dây chì bằng dây đồng trong cầu chì.
- ☐ Dùng tay ướt cầm phích điện để cắm vào ổ điện.
- ☐ Phơi quần áo trên dây điện.
- ☐ Báo cho người lớn biết khi phát hiện thấy dây điện bị đứt.
- ☐ Trú mưa dưới trạm điện.
- ☐ Chơi thả diều dưới đường dây điện.

3. Nêu ba lí do cho biết tại sao chúng ta phải tiết kiệm khi sử dụng điện.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

4. Tìm hiểu một vài dụng cụ, máy móc sử dụng điện ở gia đình bạn và hoàn thành bảng sau :

Dụng cụ, máy móc sử dụng điện	Đánh giá của bạn			Bảng chứng (nếu đánh giá của bạn là 2 hoặc 3)	Bạn có thể làm gì để tiết kiệm, tránh lãng phí
	1. Sử dụng hợp lí, không gây lãng phí	2. Thỉnh thoảng còn sử dụng khi không cần thiết, gây lãng phí	3. Thường xuyên sử dụng khi không cần thiết, gây lãng phí		
.....					
.....					
.....					

Bài 49 – 50. ÔN TẬP : VẬT CHẤT VÀ NĂNG LƯỢNG

1. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

1.1. Đồng có tính chất gì ?

- a. Cứng, có tính đàn hồi.
- b. Trong suốt, không gỉ, cứng nhưng dễ vỡ.
- c. Màu trắng bạc, có ánh kim ; có thể kéo thành sợi và dát mỏng ; nhẹ, dẫn điện và dẫn nhiệt tốt ; không bị gỉ, tuy nhiên có thể bị một số a-xít ăn mòn.
- d. Có màu đỏ nâu, có ánh kim ; dễ dát mỏng và kéo thành sợi ; dẫn điện và dẫn nhiệt tốt.

1.2. Thủy tinh có tính chất gì ?

- a. Cứng, có tính đàn hồi.
- b. Trong suốt, không gỉ, cứng nhưng dễ vỡ.
- c. Màu trắng bạc, có ánh kim, có thể kéo thành sợi và dát mỏng ; nhẹ, dẫn điện và dẫn nhiệt tốt ; không bị gỉ, tuy nhiên có thể bị một số a-xít ăn mòn.
- d. Có màu đỏ nâu, có ánh kim ; dễ dát mỏng và kéo thành sợi ; dẫn điện và dẫn nhiệt tốt.

1.3. Nhôm có tính chất gì ?

- a. Cứng, có tính đàn hồi.
- b. Trong suốt, không gỉ, cứng nhưng dễ vỡ.
- c. Màu trắng bạc, có ánh kim ; có thể kéo thành sợi và dát mỏng ; nhẹ, dẫn điện và dẫn nhiệt tốt ; không bị gỉ, tuy nhiên có thể bị một số a-xít ăn mòn.
- d. Có màu đỏ nâu, có ánh kim ; dễ dát mỏng và kéo thành sợi ; dẫn điện và dẫn nhiệt tốt.

1.4. Thép được sử dụng để làm gì ?

- a. Làm đồ điện, dây điện.
- b. Dùng trong xây dựng nhà cửa, cầu bắc qua sông, đường ray tàu hỏa, máy móc,...

1.5. Sự biến đổi hoá học là gì ?

- a. Sự chuyển thể của một chất từ thể lỏng sang thể khí và ngược lại.
- b. Sự biến đổi từ chất này thành chất khác.

1.6. Hỗn hợp nào dưới đây không phải là dung dịch ?

- a. Nước đường.
- b. Nước chanh (đã lọc hết tép chanh và hạt) pha với đường và nước sôi để nguội.
- c. Nước bột sắn (pha sắn).

2. Chọn các cụm từ cho trước trong khung để điền vào chỗ trong các sơ đồ dưới đây cho phù hợp.

.....
nhiệt độ cao, nhiệt độ bình thường

- | | | |
|---|------------|-----------------------------|
| a) Thanh sắt
(để ngoài không khí ẩm) |
→ | Có lớp gỉ sắt màu nâu |
| b) Đường
(chưng trên ngọn lửa) |
→ | Than và có hơi nước bốc lên |
| c) Vôi sống
(thả vào nước) |
→ | Vôi tôi |
| d) Mâm đồng
(Nước chanh hoặc giấm
chua rót ra mâm đồng) |
→ | Có lớp gỉ đồng màu xanh |

3. Quan sát các hình trang 102 SGK và hoàn thành bảng sau :

Các phương tiện, máy móc	Sử dụng năng lượng
Xe đạp	
Máy bay	
Thuyền buồm	
Ô tô	
Cạn nước	
Tàu hoả	
Pin mặt trời	

4. Viết chữ Đ vào ☐ trước phát biểu đúng, S vào ☐ trước phát biểu sai.

Trong các trường hợp sau đây, trường hợp nào là nguyên nhân dẫn tới nhu cầu sử dụng chất đốt tăng.

- ☐ Dân số trên Trái Đất tăng.
- ☐ Sử dụng bếp đun cải tiến.
- ☐ Sự phát triển của công nghiệp.
- ☐ Sự khai thác sử dụng năng lượng mặt trời.

Thực vật và động vật

Bài 51. CƠ QUAN SINH SẢN CỦA THỰC VẬT CÓ HOA

1. Thực vật có cơ quan sinh sản không ? Nếu có, hãy nói tên cơ quan sinh sản của thực vật.

.....

.....

.....

.....

2. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

- 2.1. Cơ quan sinh sản của cây dong riềng là gì ?

- a. Rễ cây dong riềng.
- b. Thân cây dong riềng.
- c. Lá cây dong riềng.
- d. Hoa cây dong riềng.

- 2.2. Cơ quan sinh sản của cây phượng là gì ?

- a. Rễ cây phượng.
- b. Thân cây phượng.
- c. Lá cây phượng.
- d. Hoa cây phượng.

- 2.3. Cơ quan sinh sản của thực vật có hoa là gì ?

- a. Rễ.
- b. Thân.
- c. Lá.
- d. Hoa.

2.4. Cơ quan sinh dục đực của thực vật có hoa gọi là gì ?

a. Nhị.

b. Nhụy.

2.5. Cơ quan sinh dục cái của thực vật có hoa gọi là gì ?

a. Nhị.

b. Nhụy.

2.6. Hoa chỉ có nhị mà không có nhụy gọi là hoa gì ?

a. Hoa đực.

b. Hoa cái.

2.7. Hoa chỉ có nhụy mà không có nhị gọi là hoa gì ?

a. Hoa đực.

b. Hoa cái.

3. Nối các chú thích vào hình cho phù hợp.



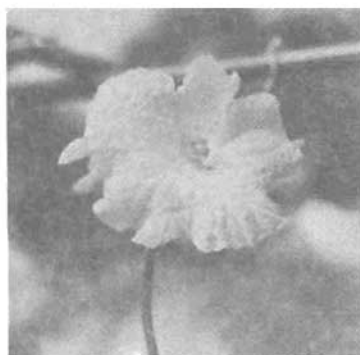
Nhụy

Nhị



Hoa
mướp đực

Hoa
mướp cái



4. Đánh dấu × vào các cột trong bảng dưới đây cho phù hợp.

Hoa	Trên cùng một hoa có cả nhị và nhụy	Trên một hoa chỉ có nhị hoặc nhụy
Mướp		
Phượng		
Dong riềng		
Sen		

5. Nối các chú thích vào hình cho phù hợp.



Bài 52. SỰ SINH SẢN CỦA THỰC VẬT CÓ HOA

1. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

1.1. Hiện tượng đầu nhụy nhận được những hạt phấn của nhị gọi là gì ?

- a. Sự thụ phấn.
- b. Sự thụ tinh.

1.2. Hiện tượng tế bào sinh dục đực ở đầu ống phấn kết hợp với tế bào sinh dục cái của noãn gọi là gì ?

- a. Sự thụ phấn.
- b. Sự thụ tinh.

1.3. Hợp tử phát triển thành gì ?

- a. Hạt.
- b. Phôi.

1.4. Noãn phát triển thành gì ?

- a. Hạt.
- b. Quả.

1.5. Bầu nhụy phát triển thành gì ?

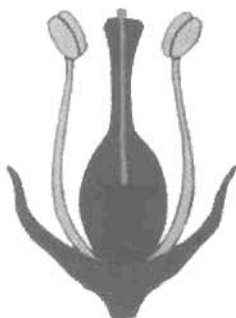
- a. Hạt.
- b. Quả.

2. Nối các chú thích vào hình cho phù hợp.

Hạt phấn

Bào phấn

Ống phấn



Đầu nhụy

Vòi nhụy

Bầu nhụy

Noãn

3. Đánh dấu × vào các cột trong bảng dưới đây cho phù hợp.

Hoa	Thụ phấn nhờ côn trùng	Thụ phấn nhờ gió
Mướp, bầu, bí		
Cỏ lau, cỏ may		
Phượng		
Lúa		
Dong riêng		
Ngô		
Sen		
Bưởi, chanh, cam		

4. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

4.1. Các loài hoa thụ phấn nhờ côn trùng thường có đặc điểm gì ?

- a. Màu sắc sặc sỡ, hương thơm, mật ngọt.
- b. Không có màu sắc đẹp, cánh hoa, đài hoa thường nhỏ hoặc không có.

4.2. Các loài hoa thụ phấn nhờ gió thường có đặc điểm gì ?

- a. Màu sắc sặc sỡ, hương thơm, mật ngọt.
- b. Không có màu sắc đẹp, cánh hoa, đài hoa thường nhỏ hoặc không có.

Bài 53. CÂY CON MỌC LÊN TỪ HẠT

1. Nối các chú thích vào hình cho phù hợp.

Vỏ

Phôi

Chất dinh dưỡng



2. Nối khung chữ với hình cho phù hợp.

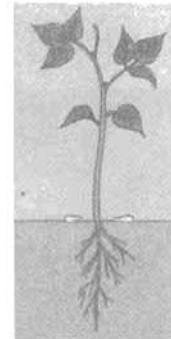
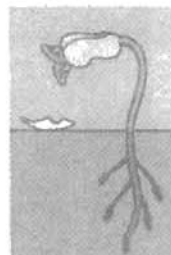
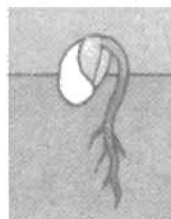
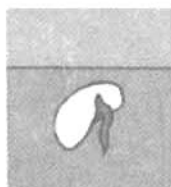
Xung quanh rễ mầm
mọc ra nhiều rễ con.

Hạt phình lên vì hút
nước. Vỏ hạt nứt để
rễ mầm nhú ra cắm
xuống đất.

Hai lá mầm teo dần
rồi rụng xuống. Cây
con bắt đầu đâm chồi,
rễ mọc nhiều hơn.

Hai lá mầm xoè ra.
Chồi mầm lớn dần
và sinh ra các lá mới.

Sau vài ngày, rễ
mầm mọc nhiều hơn
nữa, thân mầm lớn
lên, dài ra và chui
lên khỏi mặt đất.



3. Nối khung chữ với hình cho phù hợp.



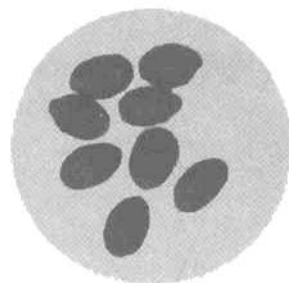
Kết quả



Ra hoa



Mọc thành
cây con



Gieo hạt



Hạt



Bài 54. CÂY CON CÓ THỂ MỌC LÊN TỪ MỘT SỐ BỘ PHẬN CỦA CÂY MẸ

1. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

1.1. Chồi có thể mọc ra từ vị trí nào trên cây mía ?

- a. Thân.
- b. Lá.
- c. Nách lá.

1.2. Người ta có thể sử dụng phần nào của cây mía để trồng ?

- a. Thân.
- b. Rễ.
- c. Ngọn.

1.3. Chồi có thể mọc ra từ vị trí nào trên lá của cây bòng ?

- a. Gân lá.
- b. Phiến lá.
- c. Mép lá.

1.4. Người ta có thể sử dụng phần nào của cây khoai tây để trồng ?

- a. Rễ.
- b. Lá.
- c. Thân.

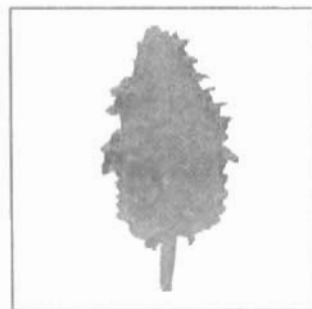
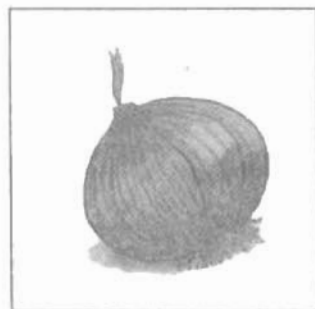
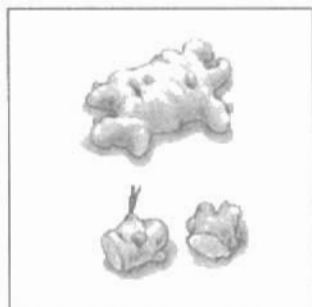
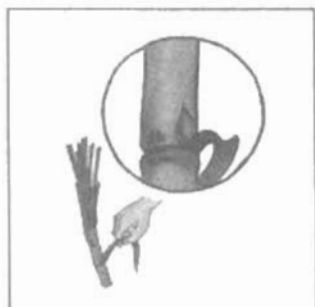
1.5. Người ta có thể sử dụng phần nào của cây hoa hồng để trồng ?

- a. Rễ.
- b. Lá.
- c. Cành.

1.6. Người ta có thể sử dụng phần nào của cây bòng để trồng ?

- a. Rễ.
- b. Lá.
- c. Cành.

2. Sử dụng mũi tên để chỉ vào chồi trong các hình sau :



Bài 55. SỰ SINH SẢN CỦA ĐỘNG VẬT

1. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

1.1. Đa số loài vật được chia thành mấy giống ?

- a. Hai giống.
- b. Ba giống.

1.2. Cơ quan sinh dục đực tạo ra gì ?

- a. Trứng.
- b. Tinh trùng.

1.3. Cơ quan sinh dục cái tạo ra gì ?

- a. Trứng.
- b. Tinh trùng.

1.4. Hiện tượng tinh trùng kết hợp với trứng gọi là gì ?

- a. Sự thụ tinh.
- b. Sự mang thai.

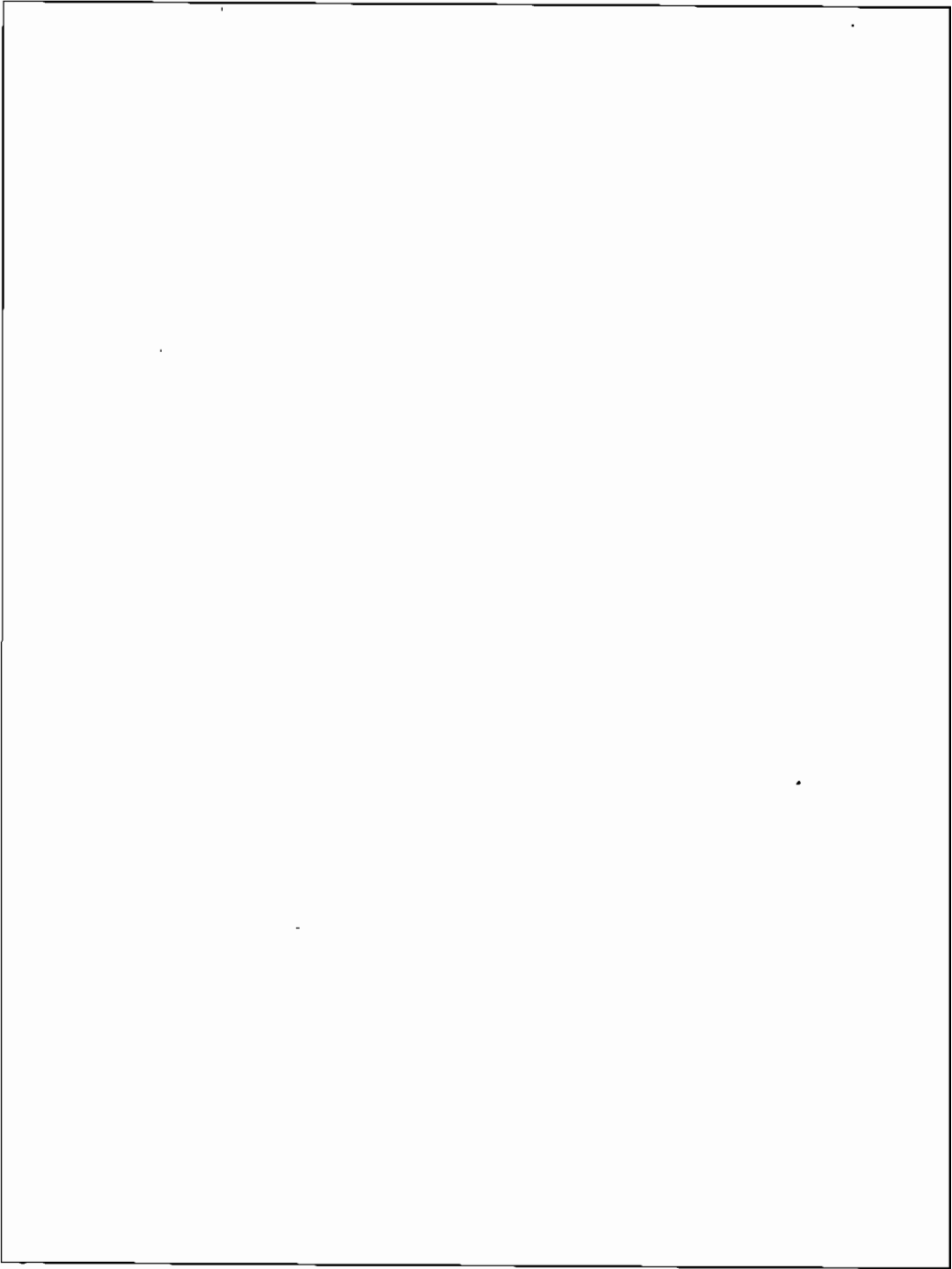
1.5. Trứng đã được thụ tinh gọi là gì ?

- a. Bào thai.
- b. Phôi.
- c. Hợp tử.

2. Đánh dấu × vào các cột trong bảng dưới đây cho phù hợp.

Động vật	Để trứng	Để con
Voi		
Cá		
Khỉ		
Chuột		
Chó		
Gà		
Thỏ		
Rắn		
Dơi		
Cá sấu		
Bướm		
Rùa		

3. Vẽ một con vật mà bạn thích.

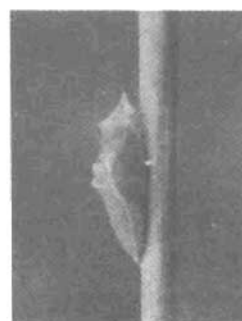
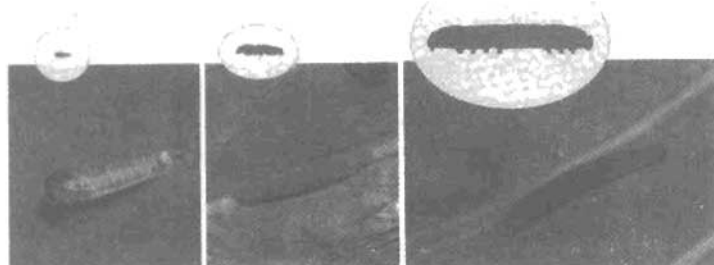


Bài 56.

SỰ SINH SẢN CỦA CÔN TRÙNG

1. Chọn các chú thích cho trước trong khung để điền vào chỗ dưới mỗi hình cho phù hợp.

bướm ; trứng ; sâu (ấu trùng) ; nhộng



2. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

Ở giai đoạn nào của quá trình phát triển, bướm cải gây thiệt hại nhất ?

- a. Trứng.
- b. Sâu.
- c. Nhộng.
- d. Bướm.

3. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng nhất.

3.1. Để giảm thiệt hại cho hoa màu do côn trùng gây ra, trong trồng trọt người ta thường áp dụng biện pháp nào ?

- a. Phun thuốc trừ sâu.
- b. Bắt sâu.
- c. Diệt bướm.
- d. Thực hiện tất cả các việc trên.

3.2. Để tiêu diệt ruồi và gián người ta thường sử dụng biện pháp nào ?

- a. Giữ vệ sinh môi trường xung quanh nhà ở, chuồng trại chăn nuôi.
- b. Giữ vệ sinh nhà ở, nhà bếp, nhà vệ sinh,...
- c. Phun thuốc diệt ruồi và gián.
- d. Thực hiện tất cả các việc trên.

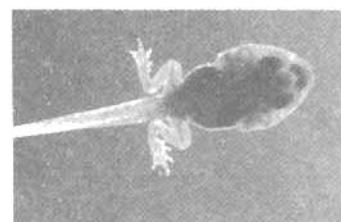
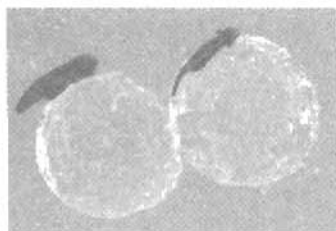
4. Quan sát các hình 6, 7 trang 115 SGK và hoàn thành bảng sau :

	So sánh chu trình sinh sản	
	Giống nhau	Khác nhau
Ruồi		
Gián		

Bài 57.

SỰ SINH SẢN CỦA ẾCH

1. Ghi chú thích từng giai đoạn phát triển của ếch vào chỗ dưới mỗi hình cho phù hợp.



2. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

2.1. Ếch thường đẻ trứng vào mùa nào ?

- a. Mùa xuân.
- b. Mùa hạ.
- c. Mùa thu.
- d. Mùa đông.

2.2. Ếch đẻ trứng ở đâu ?

- a. Trên cạn.
- b. Dưới nước.
- c. Vừa ở trên cạn vừa ở dưới nước.

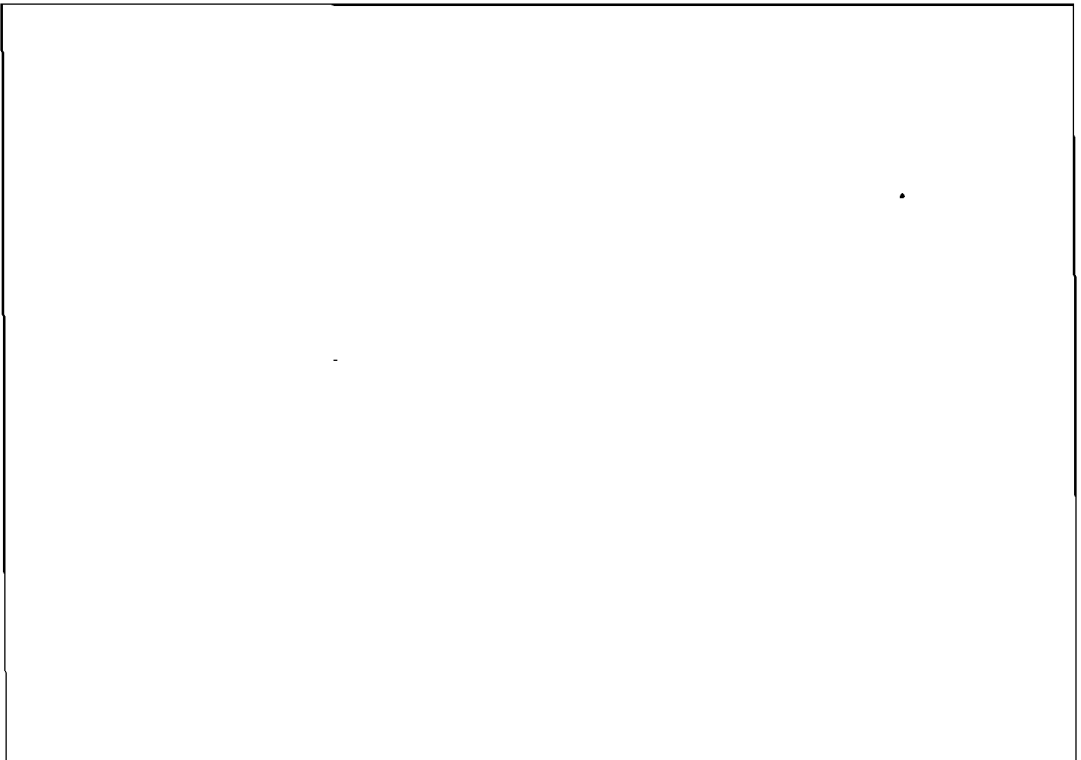
2.3. Trứng ếch nở ra con gì ?

- a. Ếch con.
- b. Nòng nọc.
- c. Ấu trùng.
- d. Nhộng.

2.4. Nòng nọc sống ở đâu ?

- a. Trên cạn.
- b. Dưới nước.
- c. Vừa ở trên cạn vừa ở dưới nước

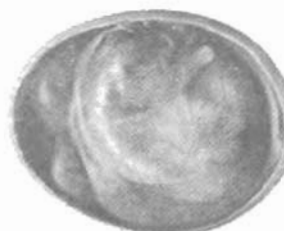
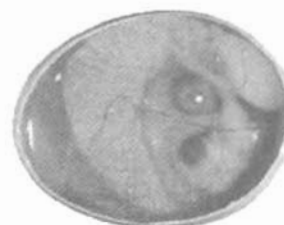
3. Vẽ (hoặc viết) sơ đồ chu trình sinh sản của ếch.



Bài 58. SỰ SINH SẢN VÀ NUÔI CON CỦA CHIM

1. Nối hình ở cột A với khung chữ ở cột B cho phù hợp.

A



B

Quả trứng đã được ấp khoảng 10 ngày, có thể nhìn thấy mắt gà.

Quả trứng đã được ấp khoảng 20 ngày, có thể nhìn thấy đầy đủ các bộ phận của con gà.

Quả trứng chưa được ấp ; lòng trắng, lòng đỏ riêng biệt.

Quả trứng đã được ấp khoảng 15 ngày, có thể nhìn thấy phần đầu, mỏ, chân, lông gà.

2. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

2.1. Trứng chim sẽ nở thành gì ?

a. Ấu trùng.

b. Chim non.

2.2. Hầu hết chim non mới nở có thể tự đi kiếm mồi được ngay chưa ?

a. Có thể tự đi kiếm mồi ngay.

b. Chưa thể tự đi kiếm mồi ngay.

2.3. Loài chim nuôi con bằng cách nào ?

a. Cho con bú.

b. Kiếm mồi mớm cho con.

Bài 59.

SỰ SINH SẢN CỦA THÚ

1. Chọn các thông tin cho trước trong khung để điền vào chỗ dưới mỗi hình cho phù hợp.

thú con còn là bào thai ; thú con đã được sinh ra



2. Nối khung chữ ở cột A với khung chữ ở cột B cho phù hợp.

A

Sự sinh sản của thú

B

Hợp tử được phát triển ở ngoài cơ thể của con mẹ.

Sự sinh sản của chim

Hợp tử được phát triển ở trong cơ thể của con mẹ.

3. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

3.1. Thú là loài động vật gì ?

- a. Để con.
- b. Để trứng.

3.2. Trong các động vật dưới đây, động vật nào đẻ nhiều con trong một lứa ?

- a. Bò.
- b. Trâu.
- c. Khỉ.
- d. Lợn (heo).

3.3. Loài thú nuôi con bằng cách nào ?

- a. Cho con bú.
- b. Kiếm mồi mớm cho con.

Bài 60. SỰ NUÔI VÀ DẠY CON CỦA MỘT SỐ LOÀI THÚ

1. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

1.1. Loài hổ (cọp) có tập tính sống như thế nào ?

- a. Theo bầy, đàn.
- b. Từng đôi.
- c. Đơn độc.

1.2. Hổ thường sinh sản vào mùa nào ?

- a. Mùa đông và mùa xuân.
- b. Mùa hạ và mùa thu.
- c. Mùa thu và mùa đông.
- d. Mùa xuân và mùa hạ.

1.3. Hổ thường đẻ mỗi lứa mấy con ?

- a. 1 con.
- b. Từ 2 đến 4 con.
- c. Nhiều hơn 4 con.

1.4. Hổ là loài thú ăn gì ?

- a. Ăn cỏ.
- b. Ăn thịt.
- c. Ăn tạp.

1.5. Hổ mẹ dạy hổ con săn mỗi khi nào ?

- a. Khi hổ con mới được sinh ra.
- b. Khi hổ con được một tháng tuổi.
- c. Khi hổ con được hai tháng tuổi.
- d. Khi hổ con được ba tháng tuổi.

1.6. Khi nào hổ con có thể sống độc lập ?

- a. Từ hai tháng đến một năm tuổi.
- b. Từ một năm đến một năm rưỡi tuổi.
- c. Từ một năm rưỡi đến hai năm tuổi.
- d. Từ hai năm đến hai năm rưỡi tuổi.

2. Vì sao hổ mẹ không rời con suốt tuần đầu sau khi sinh ?

.....

.....

.....

.....

3. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

3.1. Loài hươu có tập tính sống như thế nào ?

- a. Theo bầy, đàn.
- b. Từng đôi.
- c. Đơn độc.

3.2. Hươu thường đẻ mỗi lứa mấy con ?

- a. 1 con.
- b. Từ 2 đến 4 con.
- c. Nhiều hơn 4 con.

3.3. Hươu là loài thú ăn gì ?

- a. Ăn cỏ, lá cây.
- b. Ăn thịt.
- c. Ăn tạp.

3.4. Hươu mẹ dạy hươu con tập chạy khi nào ?

- a. Khi hươu con mới được sinh ra.
- b. Khi hươu con được khoảng 10 ngày tuổi.
- c. Khi hươu con được khoảng 20 ngày tuổi.
- d. Khi hươu con được khoảng một tháng tuổi.

3.5. Tại sao hươu mẹ lại dạy hươu con tập chạy ?

- a. Để kiếm ăn.
- b. Để chạy trốn, không cho kẻ thù đuổi bắt và ăn thịt.

Bài 61. ÔN TẬP : THỰC VẬT VÀ ĐỘNG VẬT

1. Chọn các từ, cụm từ cho trước trong khung để điền vào chỗ trong các câu dưới đây cho phù hợp.

sinh dục, nhị, sinh sản, nhụy

Hoa là cơ quan của những loài thực vật có hoa. Cơ quan đực gọi là Cơ quan sinh dục cái gọi là

2. Ghi chú thích vào chỗ cho phù hợp.



3. Nối hình với ghi chú cho phù hợp.



Hoa thụ phấn nhờ côn trùng

Hoa thụ phấn nhờ gió

4. Chọn các từ, cụm từ cho trước trong khung để điền vào chỗ trong các câu dưới đây cho phù hợp.

trứng, sự thụ tinh, cơ thể mới, tinh trùng, đực và cái

– Đa số loài vật chia thành hai giống : Con đực có cơ quan sinh dục đực tạo ra Con cái có cơ quan sinh dục cái tạo ra

– Hiện tượng tinh trùng kết hợp với trứng gọi là Hợp tử phân chia nhiều lần và phát triển thành, mang những đặc tính của bố và mẹ.

5. Chọn 10 con vật trong hình dưới đây để viết tên chúng vào cột động vật và hoàn thành bảng đã cho.

Động vật	Đẻ trứng	Đẻ con
1.		
2.		
3.		
4.		
5.		
6.		
7.		
8.		
9.		
10.		



Môi trường và tài nguyên thiên nhiên

Bài 62.

MÔI TRƯỜNG

1. Chọn các chú thích cho trước trong khung để điền vào chỗ dưới mỗi hình cho phù hợp.

môi trường đô thị ; môi trường làng quê ; môi trường nước ; môi trường rừng





2. Chọn các từ, cụm từ cho trước trong khung để điền vào chỗ trong đoạn văn sau cho phù hợp.

khí hậu ; tự nhiên ; nhân tạo ; nước ; không khí ;
sinh vật ; Trái Đất

Môi trường là tất cả những gì trên Trong đó có những thành phần như địa hình,,(thực vật, động vật, con người)....., v.v. và những thành phần do con người tạo ra (.....) như làng mạc, thành phố, ruộng đồng, công trường, nhà máy v.v.

3. Liệt kê một số thành phần của môi trường nơi bạn sống.

.....

.....

.....

Bài 63. TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN

1. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

Tài nguyên thiên nhiên là gì ?

- a. Là những của cải do con người làm ra để sử dụng cho lợi ích của bản thân và cộng đồng.
- b. Là những của cải có sẵn trong môi trường tự nhiên. Con người khai thác, sử dụng chúng cho lợi ích của bản thân và cộng đồng.

2. Quan sát các hình trang 130, 131 SGK và hoàn thành bảng sau :

Hình	Tên các tài nguyên có trong hình
Hình 1	
Hình 2	
Hình 3	
Hình 4	
Hình 5	
Hình 6	
Hình 7	

3. Viết tên một số tài nguyên có ở địa phương bạn.

.....

.....

.....

4. Điều gì sẽ xảy ra nếu con người khai thác tài nguyên thiên nhiên một cách bừa bãi và thải ra môi trường nhiều chất độc hại ?

.....

.....

.....

.....

Bài 64. VAI TRÒ CỦA MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN ĐỐI VỚI ĐỜI SỐNG CON NGƯỜI

1. Quan sát các hình trang 132 SGK và hoàn thành bảng sau :

Hình	Môi trường tự nhiên	
	Cung cấp cho con người	Nhận từ các hoạt động của con người
Hình 1		
Hình 2		
Hình 3		
Hình 4		
Hình 5		
Hình 6		

2. Nối khung chữ ở cột A với khung chữ ở cột B cho phù hợp.

A Môi trường cho	B Môi trường nhận
Thức ăn	Nước tiểu
Nước uống	Phân, rác thải
Nước dùng trong sinh hoạt, công nghiệp	Khí thải, khói
Chất đốt (rắn, lỏng, khí)	Nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp

3. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng nhất.

Môi trường tự nhiên đóng vai trò quan trọng như thế nào đối với đời sống con người ?

- Cung cấp thức ăn, nước uống, khí thở, nơi ở,...
- Cung cấp các tài nguyên thiên nhiên để con người sử dụng trong đời sống, sản xuất.
- Là nơi tiếp nhận các chất thải trong sinh hoạt, trong quá trình sản xuất và trong các hoạt động khác của con người.
- Tất cả các ý trên.

Bài 65. TÁC ĐỘNG CỦA CON NGƯỜI ĐẾN MÔI TRƯỜNG RỪNG

1. Quan sát các hình trang 134 SGK và nối khung chữ ở cột A với khung chữ ở cột B cho phù hợp.

A

B

Hình 1

Con người phá rừng để lấy chất đốt (làm củi, đốt than).

Hình 2

Con người phá rừng để lấy đất canh tác, trồng các cây lương thực hoặc cây ăn quả.

Hình 3

Con người phá rừng để lấy gỗ làm nhà.

Hình 4

Rừng bị tàn phá do cháy rừng.

2. Quan sát các hình trang 135 SGK và hoàn thành bảng sau :

Hình	Hậu quả của việc phá rừng
Hình 5	
Hình 6	

3. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng nhất.

Việc phá rừng dẫn đến hậu quả gì ?

- a. Khí hậu bị thay đổi ; lũ lụt, hạn hán xảy ra thường xuyên.
- b. Đất bị xói mòn trở nên bạc màu.
- c. Động vật và thực vật quý hiếm giảm dần, một số loài đã bị tuyệt chủng và một số loài có nguy cơ bị tuyệt chủng.
- d. Tất cả các ý trên.

**Bài 66. TÁC ĐỘNG CỦA CON NGƯỜI
ĐẾN MÔI TRƯỜNG ĐẤT**

1. Quan sát các hình trang 136 SGK và hoàn thành bảng sau :

Hình	Đất trồng được sử dụng để làm gì ?	Nguyên nhân dẫn đến sự thay đổi đó
Hình 1		
Hình 2		

2. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

2.1. Lí do nào **không phải là lí do chính dẫn đến việc người ta phải tìm cách tăng năng suất cây trồng ?**

- a. Vì người ta ngày càng muốn ăn nhiều hơn.
- b. Vì dân số ngày càng tăng.
- c. Vì diện tích đất trồng ngày càng bị thu hẹp.

2.2. Trong các biện pháp làm tăng năng suất cây trồng, biện pháp nào có thể làm môi trường đất bị ô nhiễm ?

- a. Tạo ra giống mới cho năng suất cao.
- b. Tưới đủ nước, bón phân chuồng, phân xanh.
- c. Gieo trồng đúng thời vụ.
- d. Sử dụng phân hoá học, thuốc diệt cỏ, thuốc trừ sâu.

3. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng nhất.

3.1. Nguyên nhân nào khiến cho lượng rác thải ngày càng tăng ?

- a. Dân số tăng, làm cho lượng rác thải sinh hoạt tăng.
- b. Công nghiệp phát triển, làm cho lượng rác thải công nghiệp cũng tăng.
- c. Cả hai nguyên nhân trên.

3.2. Nguyên nhân nào làm cho đất trồng bị ô nhiễm ?

- a. Tăng cường dùng phân hoá học.
- b. Tăng cường dùng thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ.
- c. Xử lí phân và rác thải không hợp vệ sinh.
- d. Cả ba nguyên nhân trên.

Bài 67. TÁC ĐỘNG CỦA CON NGƯỜI ĐẾN MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ VÀ NƯỚC

1. Quan sát các hình 1, 2 trang 138 SGK và hoàn thành bảng sau :

Nguyên nhân làm ô nhiễm nước	Nguyên nhân làm ô nhiễm không khí

2. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng nhất.

2.1. Điều gì sẽ xảy ra nếu tàu biển bị đắm hoặc những ống dẫn dầu đi qua đại dương bị rò rỉ ?

- a. Nước biển bị ô nhiễm.
- b. Động vật và thực vật sống ở biển bị chết.
- c. Những loài chim hoặc sinh vật khác sống và kiếm ăn ở biển hoặc bờ biển cũng có thể bị chết.
- d. Tất cả các ý trên.

2.2. Hình 5 trang 139 SGK đã mô tả điều gì ?

- a. Khu công nghiệp, nhà máy thải ra rất nhiều khói, khí độc hại.
- b. Trời mưa cuốn theo các chất độc hại có trong không khí.
- c. Ở vùng có khu công nghiệp và những vùng xung quanh, nước mưa mang theo các chất độc hại thấm vào môi trường đất và nước.
- d. Cây cối ở vùng có khu công nghiệp và những vùng xung quanh bị trụi lá và chết do môi trường không khí, đất và nước bị ô nhiễm.
- e. Tất cả các ý trên.

2.3. Không khí và nước bị ô nhiễm sẽ gây ra tác hại gì ?

- a. Có thể làm chết các động vật sống trong môi trường đó.
- b. Có thể làm chết các thực vật sống trong môi trường đó.
- c. Gây bệnh hoặc có thể làm chết người.
- d. Tất cả các ý trên.

3. Liệt kê những việc làm của bạn hoặc những người trong gia đình bạn có thể gây ô nhiễm môi trường nước và không khí.

.....

.....

.....

4. Những việc làm nào ở địa phương bạn có thể dẫn đến việc gây ô nhiễm môi trường không khí và nước ?

.....

.....

.....

.....

Bài 68. MỘT SỐ BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quan sát các hình trang 140, 141 SGK và nối khung chữ ở cột A với khung chữ ở cột B cho phù hợp.

A

Hình 1

Hình 2

Hình 3

Hình 4

Hình 5

B

Ngày nay, ở nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có nước ta đã có luật bảo vệ rừng, khuyến khích trồng cây gây rừng, phủ xanh đồi trọc.

Mọi người, trong đó có chúng ta phải luôn có ý thức giữ vệ sinh và thường xuyên dọn vệ sinh cho môi trường sạch sẽ.

Để chống việc mưa lớn có thể rửa trôi đất ở những sườn núi dốc, người ta đã làm ruộng bậc thang. Ruộng bậc thang vừa giúp giữ đất, vừa giúp giữ nước để trồng trọt.

Bộ rùa chuyên ăn các loại rệp cây. Việc sử dụng biện pháp sinh học để tiêu diệt các loại rệp phá hoại mùa màng là một biện pháp sinh học góp phần bảo vệ môi trường, bảo vệ sự cân bằng sinh thái trên đồng ruộng.

Nhiều nước trên thế giới đã thực hiện nghiêm ngặt việc xử lí nước thải bằng cách để nước thải chảy vào hệ thống thoát nước rồi đưa vào bộ phận xử lí nước thải.

2. Bạn có thể làm gì để góp phần bảo vệ môi trường ?

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 69. ÔN TẬP : MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN

1. Tìm các chữ cái cho các ô trống dưới đây để khi ghép lại phù hợp với từng nội dung sau :

Dòng 1 : Tính chất của đất đã bị xói mòn.

Dòng 2 : Đồi cây đã bị đốn hoặc đốt trụi.

Dòng 3: Là môi trường sống của nhiều loài động vật hoang dã, quý hiếm ; nếu bị tàn phá sẽ làm khí hậu bị thay đổi, lũ lụt, hạn hán xảy ra thường xuyên.

Dòng 4: Cửa cải có sẵn trong môi trường tự nhiên mà con người sử dụng.

Dòng 5: Hậu quả mà rừng phải chịu do việc đốt rừng làm nương rẫy, chặt cây lấy gỗ,...

Cột dọc (màu sẫm) : Một loài bọ chuyên ăn các loại rệp cây.

[illegible]

2. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

2.1. Điều gì sẽ xảy ra khi có quá nhiều khói, khí độc thải vào không khí ?

- a. Không khí trở nên nặng hơn.
- b. Không khí bị ô nhiễm.
- c. Không khí chuyển động.
- d. Không khí bay cao.

2.2. Yếu tố nào được nêu ra dưới đây có thể làm ô nhiễm nước ?

- a. Không khí.
- b. Nhiệt độ.
- c. Chất thải.
- d. Ánh sáng mặt trời.

2.3. Trong các biện pháp làm tăng sản lượng lương thực trên diện tích đất canh tác, biện pháp nào sẽ làm ô nhiễm môi trường đất ?

- a. Tăng cường làm thủy lợi.
- b. Chọn giống tốt.
- c. Tăng cường dùng phân hoá học và thuốc trừ sâu.
- d. Tăng cường mối quan hệ giữa các cây lúa, các sinh vật tiêu diệt sâu hại lúa với sâu hại lúa.

2.4. Theo bạn, đặc điểm nào là quan trọng nhất của nước sạch ?

- a. Dễ uống.
- b. Giúp nấu ăn ngon.
- c. Giúp phòng tránh được các bệnh về đường tiêu hoá, bệnh ngoài da, đau mắt,...
- d. Không mùi và không vị.

Bài 70. ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA CUỐI NĂM

1. Quan sát những hình vẽ dưới đây và thực hiện các yêu cầu sau :

1.1. Nối con vật ở cột A với nơi chúng có thể đẻ trứng ở cột B cho phù hợp.

A



B



1.2. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

a) Bạn có thể làm gì để diệt trừ gián ngay từ trứng của nó ?

a. Đậy nắp chum, vại.

b. Giữ vệ sinh nhà cửa sạch sẽ.

b) Bạn có thể làm gì để diệt trừ muỗi ngay từ trứng của nó ?

a. Đậy nắp chum, vại.

b. Giữ vệ sinh nhà cửa sạch sẽ.

2. Viết tên giai đoạn còn thiếu vào chỗ trong quá trình phát triển của mỗi con vật dưới đây cho phù hợp.



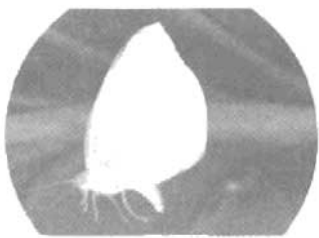
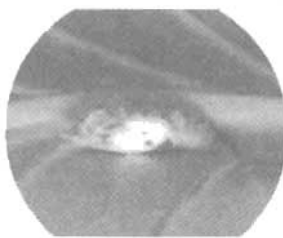
.....



.....



.....



3. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

Loài vật nào dưới đây đẻ nhiều con nhất trong một lứa ?

- a. Mèo.
- b. Voi.
- c. Chó.
- d. Ngựa.
- e. Trâu.
- g. Lợn.

4. Nối tên tài nguyên thiên nhiên ở cột A với vị trí của tài nguyên đó ở cột B cho phù hợp.

A	B
Tài nguyên thiên nhiên	Vị trí
Không khí	Dưới lòng đất
Các loại khoáng sản	Trên mặt đất
Sinh vật, đất trồng, nước	Bao quanh Trái Đất

5. Viết chữ Đ vào ☐ trước ý kiến đúng, chữ S vào ☐ trước ý kiến sai.

- ☐ Tài nguyên trên Trái Đất là vô tận, con người cứ việc sử dụng thoải mái.
- ☐ Tài nguyên trên Trái Đất là có hạn nên phải sử dụng có kế hoạch và tiết kiệm.

6. Quan sát các hình 4, 5 trang 146, 147 SGK và trả lời câu hỏi dưới đây :
Điều gì sẽ xảy ra đối với đất ở đó ?

.....

.....

.....

7. Tại sao lũ lụt hay xảy ra khi rừng đầu nguồn bị phá huỷ ?

.....

.....

.....

8. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

Trong các nguồn năng lượng dưới đây, nguồn năng lượng nào không phải là năng lượng sạch (khi sử dụng năng lượng đó sẽ tạo ra khí thải gây ô nhiễm môi trường) ?

- a. Năng lượng mặt trời.
- b. Năng lượng gió.
- c. Năng lượng nước chảy.
- d. Năng lượng từ than đá, xăng dầu, khí đốt,...

9. Kể tên các nguồn năng lượng sạch hiện đang được sử dụng ở nước ta.

.....

.....

.....

Chịu trách nhiệm xuất bản :

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc NGÔ TRẦN ÁI
Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập NGUYỄN QUỲ THAO

Biên tập lần đầu :

LÊ THỊ HỒNG VÂN – NGUYỄN THỊ THANH THỦY

Biên tập tái bản :

HOANG KIM HẢO

Biên tập kĩ - mỹ thuật :

TRẦN NGUYỄN ANH TÚ

Trình bày bìa :

HOÀNG PHƯƠNG LIÊN

Sửa bản in :

HOÀNG KIM

Chế bản :

CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ THUẬT SAO MAI

VỞ BÀI TẬP KHOA HỌC 5

Mã số: 1B514T1

In 30.000 cuốn (QĐ11BT) khổ 17 x 24 cm, tại Công ty CP In Phúc Yên.

Số in 171. Số xuất bản: 01 - 2011/CXB/726 - 1235/GD.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 3 năm 2011.



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH



VƯƠNG MIỆN KIM CƯƠNG
CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ

VỞ BÀI TẬP DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 5

1. Vở bài tập Tiếng Việt 5 (tập một, tập hai)
2. Vở bài tập Toán 5 (tập một, tập hai)
3. Vở bài tập Khoa học 5
4. Vở bài tập Lịch sử 5
5. Vở bài tập Địa lí 5
6. Vở bài tập Đạo đức 5
7. Vở Tập vẽ 5
8. Thực hành Kỹ thuật 5
9. Let's Learn English - Book 3 - Workbook

Bạn đọc có thể mua sách tại các Công ty Sách – Thiết bị trường học ở các địa phương hoặc các cửa hàng sách của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam :

- Tại TP. Hà Nội : 187 Giảng Võ ; 232 Tây Sơn ; 23 Tràng Tiền ; 25 Hàn Thuyên ; 32E Kim Mã ; 14/3 Nguyễn Khánh Toàn ; 247 Hải Phòng ; 78 Pasteur.
- Tại TP. Đà Nẵng : 104 Mai Thị Lựu, Quận 1 ;
- Tại TP. Hồ Chí Minh : 231 Nguyễn Văn Cừ và 240 Trần Bình Trọng, Quận 5 ; 2A Đinh Tiên Hoàng, Quận 1. 162D đường 3 tháng 2, Quận Ninh Kiều.
- Tại TP. Cần Thơ :
- Tại Website bán hàng trực tuyến : www.sach24.vn

Website : www.nxbgd.vn



8 934994 022569

Giá: 7.800đ

<https://tieulun.hopto.org>